BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

**---------------**

****

**ĐỀ ÁN THẠC SĨ**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8380107

**Đề tài: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**BÙI LAN ANH**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: TS. ĐÀM THỊ DIỄM HẠNH**

**Hà Nội - 2025**

**LỜI CẢM ƠN**

Đề án thạc sĩ này được hoàn thành tại Trường Đại học Mở Hà Nội dưới sự hướng dẫn khóa học của cô giáo, TS. Đàm Thị Diễm Hạnh. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô về định hướng khoa học, phương pháp nghiên cứu và sự chỉ bảo tận tình cũng như sự quan tâm, giúp đỡ của cô đã giúp tôi hoàn thành được Đề án này.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Mở Hà Nội, các thầy cô tại Khoa Luật - Đại học Mở Hà Nội đã tạo điều kiện cho tôi được học tập, nghiên cứu và hoàn thành đề án này.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể gia đình, bạn bè, đồng nghiệp tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã giúp đỡ, động viên, khích lệ tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện Đề án.

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của TS. Đàm Thị Diễm Hạnh. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong Đề án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đề án của mình.**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

**TÁC GIẢ**

**Bùi Lan Anh**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đàm Thị Diễm Hạnh:……………………………...

*(Ghi rõ họ, tên, học hàm, học vị và chữ ký)*

Cán bộ phản biện 1:…………………………………………………………………..

*(Phần này do Phòng QLĐT ghi)*

Cán bộ phản biện 2:…………………………………………………………………..

*(Phần này do Phòng QLĐT ghi)*

Đề án thạc sĩ được bảo vệ tại HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN THẠC SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI, ngày ….. tháng…… năm…...theo Quyết định số ……/QĐ-ĐHM ngày …./……/……..

MỤC LỤC

[DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT i](#_Toc205991000)

[MỞ ĐẦU 1](#_Toc205991001)

[1. Tên đề tài: 1](#_Toc205991002)

[2. Đặt vấn đề 1](#_Toc205991003)

[Tính cấp thiết của đề tài: 1](#_Toc205991004)

[3. Mục tiêu của đề án: 2](#_Toc205991005)

[*3.1. Mục tiêu tổng quát:* 2](#_Toc205991006)

[*3.2.* *Mục tiêu cụ thể:* 3](#_Toc205991007)

[4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3](#_Toc205991008)

[4.1. Đối tượng nghiên cứu 3](#_Toc205991009)

[4.2. Phạm vi nghiên cứu 3](#_Toc205991010)

[Tổng quan tình hình nghiên cứu: 3](#_Toc205991011)

[5. Phương pháp nghiên cứu, xử lý số liệu: 6](#_Toc205991012)

[6. Nội dung đề tài 7](#_Toc205991013)

[7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án: 7](#_Toc205991014)

[CHƯƠNG 1 10](#_Toc205991015)

[NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TOÀ ÁN 10](#_Toc205991016)

[1.1. Lý luận chung về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 10](#_Toc205991017)

[*1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng* 10](#_Toc205991018)

[*1.1.2. Phân loại hợp đồng tín dụng* 12](#_Toc205991019)

[*1.1.3. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng* 13](#_Toc205991020)

[1.2. Lý luận chung về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án 16](#_Toc205991021)

[*1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án* 16](#_Toc205991022)

[*1.2.2. Đặc điểm của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng* 17](#_Toc205991023)

[*1.2.3. Các loại tranh chấp hợp đồng tín dụng* 19](#_Toc205991024)

[*1.2.4. Cấu trúc pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án* 21](#_Toc205991025)

[1.2.4.1. Nội dung cơ bản của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án 21](#_Toc205991026)

[1.2.4.2. Nội dung cơ bản của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án 23](#_Toc205991027)

[1.3. Ý nghĩa của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án 25](#_Toc205991028)

[Tiểu kết phần 1 26](#_Toc205991029)

[CHƯƠNG 2 28](#_Toc205991030)

[THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, 28](#_Toc205991031)

[THÀNH PHỐ HÀ NỘI 28](#_Toc205991032)

[2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án 28](#_Toc205991033)

[*2.1.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án* 28](#_Toc205991034)

[*2.1.2. Thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng* 30](#_Toc205991035)

[*2.1.3. Chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng* 33](#_Toc205991036)

[*2.1.4. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng* 36](#_Toc205991037)

[*2.1.5. Một số quy định pháp luật về hướng dẫn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trong một số trường hợp cụ thể* 41](#_Toc205991038)

[2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội 45](#_Toc205991039)

[*2.2.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình kinh tế - xã hội của quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội* 45](#_Toc205991040)

[*2.2.2. Tình hình giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội* 47](#_Toc205991041)

[2.3. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội 51](#_Toc205991042)

[*2.3.1. Những hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội* 51](#_Toc205991043)

[*2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội* 60](#_Toc205991044)

[*2.3.2.1. Nguyên nhân khách quan* 60](#_Toc205991045)

[*2.3.2.1. Nguyên nhân chủ quan* 63](#_Toc205991046)

[Tiểu kết chương 2 65](#_Toc205991047)

[CHƯƠNG 3 67](#_Toc205991048)

[ĐỊNH HƯỚNG, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN 67](#_Toc205991049)

[QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI 67](#_Toc205991050)

[3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân 67](#_Toc205991051)

[3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân 71](#_Toc205991052)

[*3.2.1. Khắc phục hạn chế xác định sai quan hệ tranh chấp* 71](#_Toc205991053)

[*3.2.2. Khắc phục hạn chế xác định thiếu người tham gia tố tụng* 73](#_Toc205991054)

[*3.2.3. Khắc phục hạn chế trong việc thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ* 75](#_Toc205991055)

[*3.2.4. Khắc phục hạn chế trong thời hạn để giải quyết một vụ án* 77](#_Toc205991056)

[*3.2.5. Khắc phục hạn chế về xác định nợ gốc, nợ lãi trong tranh chấp HĐTD* 79](#_Toc205991057)

[*3.2.6. Khắc phục hạn chế về xử lý tài sản bảo đảm trong tranh chấp HĐTD* 80](#_Toc205991058)

[3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng từ thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội 82](#_Toc205991059)

[*3.3.1. Đảm bảo nguồn cán bộ có trình độ chuyên môn* 82](#_Toc205991060)

[*3.3.2. Ứng dụng khoa học công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án* 83](#_Toc205991061)

[*3.3.3. Nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho cá nhân, tổ chức* 85](#_Toc205991062)

[Tiểu kết chương 3 86](#_Toc205991063)

[KẾT LUẬN 87](#_Toc205991064)

[DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 89](#_Toc205991065)

[PHỤ LỤC 92](#_Toc205991066)

# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| Bộ luật tố tụng dân sự | BLTTDS |
| Bộ luật dân sự | BLDS |
| Tòa án nhân dân | TAND |
| Viện kiểm sát nhân dân | VKSND |
| Tòa án nhân dân tối cao | TANDTC |
| Viện kiểm sát nhân dân tối cao | VKSNDTC |
| Hợp đồng tín dụng | HĐTD |
| Tổ chức tín dụng | TCTD |
| Ủy ban nhân dân | UBND |
| Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | GCNQSDĐ |
| Quyền sử dụng đất | QSDĐ |

**MỞ ĐẦU**

1. **Tên đề tài:**

**“Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân cấp huyện và thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội”.**

1. **Đặt vấn đề**

**Tính cấp thiết của đề tài:**

Trong những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế theo hướng đa dạng hóa và vận hành theo cơ chế thị trường, gắn liền với định hướng xã hội chủ nghĩa, đã mang lại nhiều tiềm năng tích cực. Việt Nam đã và đang có những bước tiến dài trong việc xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường tiến đến hội nhập kinh tế sâu rộng. Trong bối cảnh đó, hoạt động của các Tổ chức tín dụng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tại các Tổ chức tín dụng, đặc biệt là các Ngân hàng thương mại thì Hợp đồng tín dụng trở nên phổ biến dẫn đến số lượng các tranh chấp liên quan đến Hợp đồng tín dụng ngày càng gia tăng, đồng thời tính chất của các tranh chấp này ngày càng trở nên phức tạp. Để đối mặt với thực trạng này, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống pháp luật tương đối toàn diện và chi tiết, bao gồm cả các quy định pháp luật nội dung lẫn các quy định tố tụng nhằm đảm bảo việc giải quyết tranh chấp được thực hiện một cách minh bạch và hiệu quả.

Mặc dù vậy, việc giải quyết tranh chấp dân sự nói chung và tranh chấp Hợp đồng tín dụng nói riêng vẫn còn đối mặt với không ít khó khăn khi áp dụng vào từng vụ án cụ thể trên thực tế. Nguyên nhân chính của thực trạng này bắt nguồn từ hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và còn thiếu tính nhất quán, cùng với đó là sự chậm trễ trong việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp. Hơn nữa, nhận thức pháp luật của các bên tham gia tranh chấp vẫn còn hạn chế, dẫn đến việc quyền và nghĩa vụ của họ chưa được xác định rõ ràng, gây trở ngại trong giải quyết hiệu quả các vụ việc.

Quận Hai Bà Trưng là một quận nội thành của thành phố Hà Nội, địa bàn rộng, dân cư đông lại đang trong quá trình đô thị hoá nhanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn thiếu. Với sự thay đổi của nền kinh tế nhà nước, quận có nền kinh tế đa dạng, ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, các mặt công tác có nhiều tiến bộ đáng kể. Do tình hình trên địa bàn, các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng mà Toà án quận Hai Bà Trưng thụ lý giải quyết cũng ngày càng ra tăng về số lượng và phức tạp hơn về tính chất, đặc biệt trong thời gian mà ngành Toà án đang triển khai thực hiện nhiều quy định mới về pháp luật…Trước tình hình đó, cần phải hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho quá trình giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực này, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, trong bối cảnh TAND quận Hai Bà Trưng sáp nhập vào Tòa án khu vực, đề án không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Nó không những góp phần nhận diện và giải quyết các bất cập trong hoạt động xét xử tranh chấp tín dụng mà còn là căn cứ quan trọng phục vụ quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Tòa án khu vực trong thời kỳ đổi mới hệ thống tư pháp.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả lựa chọn đề tài “**Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân cấp huyện và thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**” để làm đề án tốt nghiệp Thạc sĩ.

## 3. Mục tiêu của đề án:

### *3.1. Mục tiêu tổng quát:*

Thông qua việc phân tích, làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, đề án đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này và giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

### *3.2.* *Mục tiêu cụ thể:*

- Làm rõ một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân;

- Làm rõ thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án;

- Phân tích, đánh giá thực tiễn, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

- Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

## 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

### 4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là những vấn đề lý luận, pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án và thực tiễn về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

### 4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Đề án nghiên cứu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Đề án chỉ nghiên cứu việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân cấp huyện.

Phạm vi về không gian: Đề án nghiên cứu thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Phạm vi về thời gian: Đề án nghiên cứu thực tiễn trong phạm vi 03 năm, từ năm 2022 đến hết năm 2024.

## Tổng quan tình hình nghiên cứu:

Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nói riêng nhận được rất nhiều sự quan tâm, nghiên cứu, đánh giá của các tác giả và đã có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết về vấn đề này, có thể kể đến như:

* Hồ Thị Khuyên (2016): *“Thực tiễn giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân thành phố Hà Nội”*, Đề án thạc sĩ luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
* Trần Tuấn Anh (2016): *“Giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng qua thực tiễn xét xử của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ”*, Đề án thạc sĩ luật học, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội.
* Nguyễn Văn Đông (2023): *“Pháp luật về tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án cấp sơ thẩm, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị”,* Đề án thạc sĩ luật kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
* Lương Khải Ân, “Giải quyết tốt vấn đề tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng - Một nhân tố quan trọng nhằm bảo đảm duy trì sự ổn định lành mạnh trong hệ thống hoạt động ngân hàng tại Việt Nam”, Hội thảo chính sách tiền tệ phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác trong điều kiện kinh tế thị trường biến động, NXB GTVT, tr.107-118.
* TS. Phạm Văn Tuyết & TS. Lê Kim Giang, *Hợp đồng tín dụng và biện pháp bảo đảm tiền vay,* Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, 2012.
* Phạm Hồng Nhung, *Giải quyết hợp đồng tín dụng ngân hàng qua thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh,* Đề án thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội – 2020.
* Nguyễn Hồng Hà (2022), *Một số vi phạm phổ biến trong quá trình giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”,* Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam (Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn/giai-quyet-tranh-chap-hop-dong-tin-dung-ngan-hang-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-an-nhan-dan-tp-ha-noi.html>)
* Phan Trung Hiền, Lê Văn Cư (2022), *Xác định chủ thể của hợp đồng tín dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 16 (464), tháng 8/2022.
* Lê Thanh Phong (2019), *Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và các tranh chấp dân sự khác trong lĩnh vực ngân hàng tại TAND thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội thảo “Thực tiễn giải quyết tranh chấp liên quan đến tín dụng ngân hàng tại TAND”, TAND tối cao - Hiệp hội ngân hàng Việt Nam đồng tổ chức, Hội An, Quảng Nam, ngày 4/10/2019.
* Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TAND tối cao (2023), *Một số vấn đề pháp lý đặt ra trong các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân,* Tham luận Hội thảo “Hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”, VKSND tối cao - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam đồng tổ chức, ngày 21/4/2023.

Trong những năm qua, vấn đề pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã và đang trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả, luật gia, cũng như các cơ quan nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp luật dân sự, tố dụng dân sự và pháp luật ngân hàng. Trong nước, nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, tuy nhiên mức độ chuyên sau và phạm vi tiếp cận của từng công trình là khác nhau. Một số công trình tập trung làm rõ về bản chất pháp lý của hợp đồng tín dụng, phân tích đặc điểm, nội dung, hình thức, các điều kiện có hiệu lực và hậu quả pháp lý của vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường dừng lại ở khía cạnh lý luận và chưa đi sâu vào cơ chế giải quyết tranh chấp tại Toà án - khâu thực tiễn có nhiều bất cập và mâu thuẫn pháp lý. Một số nghiên cứu chuyên sâu hơn tập trung trực tiếp vào vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án. Các nghiên cứu này phản ánh tương đối chân thực thực trạng pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Toà án, đồng thời đưa ra một số kiến nghị về hoàn thiện pháp luật và cải cách thủ tục tố tụng dân sự gắn liền với một số địa phương. Ngoài các công trình chuyên biệt, vấn đề tranh chấp hợp đồng tín dụng cũng được lồng ghép nghiên cứu trong các đề tài rộng hơn về: tranh chấp dân sự trong lĩnh vực ngân hàng, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, thi hành án dân sự trong các vụ án kinh tế,… Tuy nhiên, việc lồng ghép thường dẫn đến tình trạng đề cập không toàn diện, thiếu hệ thống và không chuyên sâu vào cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nói trên đã cơ bản làm rõ về mặt lý luận, tập trung chủ yếu phân tích khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng tín dụng và các quy định của luật tố tụng dân sự Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án…. Tuy nhiên, hiện số lượng công trình nghiên cứu liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án cấp sơ thẩm, đặc biệt ở địa bàn Hà Nội còn ít ỏi. Đề tài này được thực hiện trên cơ sở tiếp thu, có chọn lọc các quan điểm, lập luận của các công trình khoa học đã được công bố đồng thời tập trung làm rõ thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, qua đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án cấp sơ thẩm.

## 5. Phương pháp nghiên cứu, xử lý số liệu:

Phương pháp luận:

Đề án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và Nhà nước và pháp luật, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp nghiên cứu:

Đề án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

*Phương pháp phân tích, tổng hợp:* Được sử dụng trong toàn bộ quá trình nghiên cứu, đặc biệt trong việc hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành và đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.

*Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Sử dụng trong phần tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý để thu thập, lựa chọn và khai thác nguồn tài liệu pháp luật, giáo trình, bài báo khoa học.

*Phương pháp bình luận:* Áp dụng khi bình luận, đánh giá các quy định pháp luật còn bất cập trong thực tiễn áp dụng, đặc biệt trong chương kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

*Phương pháp so sánh:* Dùng để so sánh giữa quy định pháp luật và thực tiễn xét xử tại Tòa án, giữa các vụ án cụ thể hoặc so sánh pháp luật Việt Nam với một số quốc gia khác.

*Phương pháp thống kê:* Được sử dụng trong phần đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, qua số liệu thống kê vụ việc, bản án và quyết định có hiệu lực.

## 6. Nội dung đề tài

Ngoài phần mở đầu, danh mục các từ viết tắt, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề án gồm 03 chương:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng tại Toà án.**

**Chương 2: Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.**

**Chương 3: Định hướng, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng từ thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.**

## 7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án:

- Ý nghĩa lý luận: Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa những tinh hoa của các công trình nghiên cứu trước đó, đề án góp phần bổ sung, làm rõ hơn những vấn đề lý luận về hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án.

- Ý nghĩa thực tiễn: Thông qua việc nghiên cứu đề án, kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên đang theo học ngành Luật, Luật Kinh tế tại các cơ sở đào tạo trên cả nước.

Việc nghiên cứu đề án về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong bối cảnh cơ quan này đang chuẩn bị thực hiện việc sáp nhập vào mô hình Tòa án khu vực theo chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước. Đây không chỉ là sự thay đổi về mặt tổ chức bộ máy mà còn là bước chuyển dịch lớn về tư duy quản trị, phương thức hoạt động và định hướng nâng cao chất lượng giải quyết án trong giai đoạn mới.

Trước hết, việc nghiên cứu đề án giúp ghi nhận, đánh giá một cách toàn diện và khách quan thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại một đơn vị Tòa án cấp quận, nơi vốn được xem là điển hình về khối lượng công việc lớn, địa bàn dân cư tập trung đông, có sự đa dạng về chủ thể tham gia quan hệ tín dụng. Những kết quả và hạn chế của TAND quận Hai Bà Trưng trong quá trình giải quyết các tranh chấp tín dụng sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để rút ra các bài học kinh nghiệm, phục vụ cho việc hoạch định cơ chế tổ chức và vận hành Tòa án khu vực sau sáp nhập.

Thứ hai, việc nghiên cứu góp phần chỉ ra những vấn đề tồn tại có tính chất hệ thống trong hoạt động xét xử tranh chấp tín dụng như: sự thiếu nhất quán trong xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, khó khăn trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ, áp lực giải quyết án trong thời hạn luật định, cũng như bất cập trong việc áp dụng các quy định pháp luật hiện hành. Những phân tích này không chỉ mang ý nghĩa cải thiện hiệu quả giải quyết án tại một địa phương cụ thể mà còn hướng tới việc hoàn thiện chính sách pháp luật và cải cách tư pháp theo hướng đồng bộ, hiệu quả hơn trong mô hình Tòa án khu vực.

Thứ ba, đề án đóng vai trò như một tài liệu tham khảo có giá trị cho quá trình tổ chức lại bộ máy Tòa án theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Khi TAND quận Hai Bà Trưng sáp nhập vào Tòa án khu vực, những vấn đề về phân công thẩm quyền, phân bổ nguồn lực con người, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng quy trình giải quyết tranh chấp tín dụng một cách chuẩn hóa, sẽ cần dựa vào các kết quả nghiên cứu mang tính định hướng thực tiễn. Việc này giúp bảo đảm rằng quá trình chuyển đổi không làm gián đoạn hoặc giảm sút chất lượng công tác xét xử, đồng thời tạo tiền đề để cải thiện toàn diện năng lực xử lý tranh chấp tín dụng trong quy mô lớn hơn.

Cuối cùng, trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa nền tư pháp, việc chuyển đổi sang mô hình Tòa án khu vực sẽ kéo theo yêu cầu tăng cường chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa trong đội ngũ cán bộ xét xử. Đề án, thông qua việc phân tích chuyên sâu một lĩnh vực tranh chấp đặc thù như hợp đồng tín dụng, sẽ đóng vai trò nền tảng trong việc định hướng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành, góp phần xây dựng đội ngũ thẩm phán và thư ký tòa án đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

Tóm lại, trong bối cảnh TAND quận Hai Bà Trưng sáp nhập vào Tòa án khu vực, đề án không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Nó không những góp phần nhận diện và giải quyết các bất cập trong hoạt động xét xử tranh chấp tín dụng mà còn là căn cứ quan trọng phục vụ quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Tòa án khu vực trong thời kỳ đổi mới hệ thống tư pháp.

**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT   
VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TOÀ ÁN**

## 1.1. Lý luận chung về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

### *1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng tín dụng*

Hợp đồng tín dụng (HĐTD) là một căn cứ pháp lý mà qua đó, tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động cho vay. Trong đó, tổ chức tín dụng là doanh nghiệp thực hiện một số hoạt động ngân hàng, bao gồm: ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân. Việc cho vay của tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thoả thuận.1[[1]](#footnote-1)

Theo Điều 385 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”.

Theo Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chi trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Theo khoản 14 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Cấp tín dụng là việc thoả thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”.*

Theo Điều 17 Quyết định 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quyết định về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *“Việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm,phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thoả thuận.”*

Trên cơ sở quy định pháp luật và giải thích từ ngữ nêu trên có thể xác định: Hợp đồng tín dụng (HĐTD) là sự thoả thuận bằng văn bản giữa tổ chức tín dụng (bên cho vay) với khách hàng là tổ chức, cá nhân (bên vay), theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao một khoản tiền cho khách hàng là bên vay sử dụng vào mục đích xác định trong thời hạn nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

\* **Đặc điểm của hợp đồng tín dụng**

HĐTD về bản chất là hợp đồng vay tài sản theo quy định của BLDS năm 2015. Tuy nhiên, HĐTD có một số đặc điểm đặc trưng để phân biệt với các loại hợp đồng dân sự khác. Trên cơ sở khái niệm HĐTD, có thể thấy HĐTD có một số đặc điểm như sau:

*Về chủ thể:* Trong HĐTD, luôn có bên cho vay là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động, kinh doanh tín dụng; bên vay là tổ chức/cá nhân đáp ứng đầy đủ những điều kiện vay vốn do pháp luật quy định. Chủ thể bên vay trong HĐTD có tính đa dạng, có thể là cá nhân, tổ chức, hộ gia đình,…miễn là đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật và của chính tổ chức tín dụng cho vay.

*Về hình thức:* HĐTD phải được lập thành văn bản. Tên gọi của HĐTD có thể là: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng vay, Thoả thuận cho vay, Khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ), Đơn đề nghị vay vốn,… Nội dung của HĐTD phải có nội dung về số tiền cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay, hình thức bảo đảm, phương thức trả nợ và các nội dung khác được các tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

*Về đối tượng:* Đối tượng của HĐTD là tiền tệ (bao gồm tiền mặt và bút tệ), do các bên thoả thuận, ghi rõ trong văn bản thoả thuận (hợp đồng). Theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao một khoản tiền cho khách hàng là bên vay sử dụng vào mục đích xác định trong thời hạn nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

*Về mục đích và sự kiểm soát:* Khoản vay trong hợp đồng tín dụng thường gắn với một mục đích cụ thể (kinh doanh, tiêu dùng, đầu tư,…) và được ghi rõ trong hợp đồng. Tổ chức tín dụng có quyền và nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của khách hàng để đảm bảo tiền được sử dụng đúng mục đích.

*Về tính rủi ro:* Việc giao kết HĐTD mang tính rủi ro đối với bên cho vay. Sau khi bên cho vay thực hiện nghĩa vụ giải ngân theo thoả thuận, phải sau một thời gian xác định, bên vay mới phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả, bên cho vay mới có quyền đòi nợ. Thời gian xác định càng dài, rủi ro cho bên cho vay càng lớn.

*Về cơ chế thực hiện quyền và nghĩa vụ:* Quá trình thực hiện HĐTD, nghĩa vụ giải ngân của bên cho vay phải được thực hiện trước, làm cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên vay. Nói cách khác, các quyền và nghĩa vụ của bên vay như sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả gốc và lãi đúng thời hạn,…. chỉ phát sinh khi bên cho vay thực hiện nghĩa vụ giải ngân và chứng minh được việc thực hiện nghĩa vụ đó.

### *1.1.2. Phân loại hợp đồng tín dụng*

*Căn cứ vào thời hạn cho vay.* Theo thời hạn vay vốn được quy định trong hợp đồng, HĐTD chia thành 3 loại:

HĐTD ngắn hạn là loại HĐTD có thời hạn vay dưới 12 tháng, chủ yếu phục vụ nhu cầu vốn lưu động cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ trong sản xuất, kinh doanh.

HĐTD trung hạn là loại HĐTD có thời hạn từ 12 tháng đến 60 tháng, thường được sử dụng để đầu tư trang thiết bị, phương tiện sản xuất, cải tiến dây chuyền kỹ thuật, mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư dự án quy mô nhỏ, thu hồi vốn nhanh.

HĐTD dài hạn là loại HĐTD có thời gian trên 60 tháng, áp dụng cho mục đích sử dụng vốn vay để đáp ứng các nhu cầu dài hạn như xây dựng nhà máy, xí nghiệp mới hoặc đầu tư thực hiện các dự án có quy mô lớn và thời gian đầu tư lâu dài. [[2]](#footnote-2)

*Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay.* Dựa trên mục tiêu sử dụng khoản vay, HĐTD chia thành 2 loại:

HĐTD tiêu dùng là hình thức vay áp dụng cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân như mua sắm tài sản, sửa chữa nhà ở, khám chữa bệnh,…

HĐTD sản xuất, kinh doanh là hình thức vay theo đó TCTD cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn, bao gồm nhu cầu vốn của pháp nhân, cá nhân đó và nhu cầu vốn của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân mà cá nhân đó là chủ hộ kinh doanh, chủ doanh ngiệp tư nhân. [[3]](#footnote-3)

*Căn cứ vào biện pháp bảo đảm tiền vay.* Dựa trên tiêu chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ, HĐTD chia thành 2 loại:

HĐTD có bảo đảm là loại HĐTD trong đó bên vay phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản (dưới hình thức thế chấp hoặc cầm cố) hoặc có người thứ ba bảo lãnh để bảo đảm việc trả nợ vay. Đây là hình thức phổ biến nhằm giảm thiểu rủi ro cho TCTD.

HĐTD không có bảo đảm là loại HĐTD không yêu cầu bảo đảm dưới mọi hình thức mà dựa trên uy tín và khả năng tài chính của bên vay. Hình thức này thường được áp dụng cho đối tượng có thu nhập ổn định, đáng tin cậy.

### *1.1.3. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Tranh chấp hợp đồng tín dụng là bất đồng, mâu thuẫn phát sinh giữa các bên liên quan trong quan hệ tín dụng, thường là giữa TCTD (ngân hàng, công ty tài chính,…) và khách hàng vay vốn, liên quan đến việc ký kết, thực hiện hiện hoặc chấm dứt HĐTD. Những mâu thuẫn này thường liên quan đến quyền và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng hoặc phát sinh từ sự khác biệt trong cách hiểu và áp dụng các điều khoản hợp đồng.

Một HĐTD chỉ được coi là có tranh chấp khi xuất hiện dấu hiệu về việc một bên bị ảnh hưởng quyền lợi bởi hành vi của bên còn lại, hoặc có chứng cứ cụ thể vè sự vi phạm. Tranh chấp HĐTD có thể phát sinh từ hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của một trong hai bên, hoặc từ những tình huống pháp lý không dự liệu hoặc quy định rõ trong hợp đồng. Không phải mọi hành vi vi phạm đều dẫn đến tranh chấp, chỉ khi một bên cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng và có hành động phản đối, yêu cầu giải quyết thì mới hình thành tranh chấp. Hơn nữa, tranh chấp có thể không phát sinh ngay tại thời điểm hành vi vi phạm xảy ra mà có thể xuất hiện sau đó, khi một bên phát hiện thiệt hại hoặc đánh giá lại quyền lợi của mình trong quan hệ tín dụng. Có những trường hợp, mặc dù tồn tại vi phạm HĐTD nhưng không dẫn đến tranh chấp, do bên bị vi phạm không nhận thức được hành vi vi phạm, không đủ căn cứ chứng minh, hoặc không yêu cầu giải quyết. Ngược lại, có trường hợp tranh chấp phát sinh ngay cả khi hành vi chưa được xác định rõ là vi phạm, nhưng giữa các bên có sự xung đột về lợi ích.

Tóm lại, tranh chấp HĐTD là mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ quyền và nghĩa vụ giữa bên cho vay và bên vay, xoay quanh các vấn đề của HĐTD như giải ngân, nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, mức lãi suất, thời hạn trả nợ, và xử lý tài sản bảo đảm,… Đây là một trong những tranh chấp phổ biến và phức tạp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

\* *Đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Tranh chấp HĐTD cũng là một loại tranh chấp hợp đồng dân sự nói chung, do vậy tranh chấp HĐTD có đầy đủ đặc điểm của tranh chấp hợp đồng. Tuy vậy, với những đặc điểm riêng của HĐTD, tranh chấp HĐTD có một số đặc điểm đặc trang riêng để phân biệt với các loại tranh chấp hợp đồng khác:

*Thứ nhất,* tranh chấp HĐTD luôn có sự tham gia của một bên là tổ chức tín dụng và phần lớn các tranh chấp HĐTD thì nguyên đơn là tổ chức tín dụng cho vay, bị đơn là bên vay. Trong mối quan hệ HĐTD, các nghĩa vụ chính của bên vay thường phát sinh sau thời điểm giải ngân vốn vay. Trong khi đó, tại thời điểm hoàn tất việc giải ngân cho khách hàng thì TCTD đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình. Các nghĩa vụ khác của bên cho vay như bảo mật thông tin, lưu trữ hồ hơ cấp tín dụng, nghĩa vụ thông báo, bảo quản giấy tờ tài sản bảo đảm, giải chấp tài sản đảm bảo,… là ít quan trọng và là nghĩa vụ phát sinh từ quyền của bên vay. Do đó, nếu có tranh chấp xảy ra thì thường là do bên vay vi phạm nghĩa vụ của mình, rất hiếm gặp trường hợp bên vay khởi kiện TCTD.[[4]](#footnote-4)

*Thứ hai,* giá trị của tranh chấp HĐTD thường có giá trị lớn. Nguyên nhân là do bên vay thường sử dụng nguồn vốn vay để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng, trong khi đó tổ chức tín dụng ó vai trò cung cấp vốn. Khi xảy ra tranh chấp, đặc biệt là các vi phạm nghĩa vụ trả nợ, TCTD có thể đối mặt với rủi ro mất vốn hoặc gián đoạn hoạt đồng tài chính. Tính chất quan trọng và giá trị lớn của khoản tín dụng khiến cho mỗi tranh chấp phát sinh đều có thể gây ảnh hưởng đáng kể không chỉ cho các bên mà còn đối với với sự ổn định của hệ thống tín dụng nói chung.

*Thứ ba,* tranh chấp HĐTD được giải quyết dựa trên nguyên tắc tự do thoả thuận trong khuôn khổ pháp luật của các bên tranh chấp. HĐTD về bản chất là hợp đồng dân sự mà quan hệ dân sự là quan hệ mang tín thoả thuận, tự định đoạt giữa các bên.

*Thứ tư,* tranh chấp HĐTD thường gắn liền với các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hợp đồng, đặc biệt là nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi phạt và nghĩa vụ liên quan đến tài sản bảo đảm. Bên vay thường gặp khó khăn trong việc thực hiện đúng hạn các nghĩa vụ này, trong khi bên cho vay có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nếu vi phạm xảy ra. Thực tiễn cho thấy, có nhiều dạng tranh chấp thường gặp như: tranh chấp liên quan đến xác lập và thực hiện HĐTD; tranh chấp phát sinh từ việc bảo lãnh vay vốn; hoặc tranh chấp liên quan đến việc sử dụng vốn vay sai mục đích;… Mặc dù nguyên nhân có thể khác nhau, nhưng điểm chung của các tranh chấp này đều liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ tài chính giữa bên cho vay và bên vay. Trong đó, việc hoàn trả vốn vay, trả lãi đúng thời hạn và bảo đảm đúng cam kết luôn là nội dung trọng tâm, phản ánh bản chất nghĩa vụ tài chính trong HĐTD. Do đó, khi một trong các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ sẽ dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên còn lại.

*Thứ năm,* tranh chấp HĐTD là tiền đề làm phát sinh và gắn liền với một quan hệ hợp đồng khác: hợp đồng bảo đảm tiền vay thông qua hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Các TCTD khi giao kết HĐTD thường yêu cầu có biện pháp bảo đảm để hạn chế rủi ro trong trường hợp khách hàng không có khả năng hoàn trả nợ. Khi đó, các hợp đồng bảo đảm đóng vai trò là cơ sở pháp lý để TCTD thực hiện quyền thu hồi nợ thông qua xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thay. Tuy nhiên, trong thực tiễn, không phải trường hợp nào các bên cũng thực hiện đúng nghĩa vụ bảo đảm, dẫn đến phát sinh tranh chấp liên quan đến việc xác định giá trị nghĩa vụ, hiệu lực của hợp đồng bảo đảm và quyền yêu cầu xử lý tài srn trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

## 1.2. Lý luận chung về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án

### *1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án*

Giải quyết tranh chấp được hiểu là quá trình các bên xử lý các xung đột, bất đồng, mâu thuẫn về mặt lợi ích để tìm ra một giải pháp chung, một kết quả chung hài hoà và phù hợp với quyền, lợi ích và nghĩa vụ của các bên. Có nhiều phương thức khác nhau để giải quyết tranh chấp HĐTD, trong đó có phương thức giải quyết tranh chấp bằng con đường Toà án.

Giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD, khi các bên liên quan không thể giải quyết tranh chấp thông qua việc tự thương lượng, thoả thuận. Giải quyết tranh chấp HĐTD là hình thức giải quyết bằng cơ quan tài phán của Nhà nước kết hợp với quyền lực Nhà nước để cho ra phán quyết, có giá trị pháp lý bắt buộc các bên phải thực thi và sử dụng sức mạnh cưỡng chế thi hành nếu một trong các bên không tuân thủ.

Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan đến HĐTD, bao gồm tranh chấp giữa tổ chức tín dụng (chủ yếu là ngân hàng) với khách hàng vay vốn hoặc bên bảo đảm khi tranh chấp được đưa ra yêu cầu giải quyết tại hệ thống Toà án nhân dân.

### *1.2.2. Đặc điểm của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án có một số đặc trưng cơ bản như sau:

*Thứ nhất,* thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án phát sinh khi một trong các bên tranh chấp khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết các nội dung tranh chấp của họ khi các quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm. Đặc điểm này thể hiện nguyên tắc “xét xử theo yêu cầu” trong tố tụng dân sự. Toà án không tự can thiệp mà chỉ thực hiện chức năng giải quyết khi có bên tranh chấp khởi kiện ra Toà án. Khi quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm, cá nhân hoặc tổ chức chủ động nộp đơn khởi kiện, nêu rõ yêu cầu khởi kiện, thể hiện tính chất tự định đoạt và tự bảo vệ quyền lợi của các chủ thể trong quan hệ dân sự.

*Thứ hai,* trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD tuân theo quy định của BLTTDS năm 2015. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là văn bản pháp lý điều chỉnh quá trình tố tụng tại Toà án trong các vụ việc dân sự, trong đó có tranh chấp HĐTD. Việc giải quyết tranh chấp phải tuân theo quy trình tố tụng để đảm bảo tính minh bạch, công khai và khách quan, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của các bên.

*Thứ ba,* bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án bắt buộc thi hành đối với các bên và có thể bị cưỡng chế nếu các bên không chấp hành. Đây là đặc điểm nổi bật của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Toà án. Khi bản án/quyết định của Toà án có hiệu lực thì sẽ bắt buộc thi hành với các bên liên quan. Nếu các bên không tự nguyện thi hành thì có thể bị cưỡng chế thi hành bởi cơ quan thi hành án. Đặc điểm này bảo đảm tính cưỡng chế của pháp luật, giúp bảo vệ công lý và trật tự pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động xét xử và tính răn đe trong thực tiễn.

*Thứ tư,* nguồn luật điều chỉnh đa dạng và có tính chuyên ngành. Việc giải quyết tranh chấp HĐTD không chỉ dựa vào BLDS, BLTTDS mà còn phải áp dụng các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng nhà nước, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và các quy định về giao dịch bảo đảm,….

*Thứ năm,* ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành về lãi suất. Một đặc điểm pháp lý quan trọng là khi giải quyết tranh chấp HĐTD, Toà án sẽ áp dụng quy định của Luật các tổ chức tín dụn và các văn bản hướng dẫn để xác định lãi, lãi suất mà không bị giới hạn bởi trần lãi suất quy định trong BLDS.

Với các đặc điểm như trên, việc giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án có một số ưu điểm: Toà án là cơ quan nhân danh Nhà nước để giải quyết tranh chấp, do đó phán quyết của Toà án là phán quyết có tính bắt buộc phải thi hành trên phạm vi toàn lãnh thổ nơi giải quyết tranh chấp và được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Việc giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án được quy định chặt chẽ về trình tự thủ tục và hệ thống xét xử. Chính vì vậy, quyết định/bản án của Tòa án có tính pháp lý đáng tin cậy, quá trình giải quyết các tranh chấp dễ dàng thực hiện công tác thu thập chứng cứ phục vụ điều tra xác minh và có thể yêu cầu sự hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức khác. Khi giải quyết tranh chấp tại Toà án, việc giải quyết có thể qua nhiều cấp xét xử, bảo đảm cho quyết định của Toà án được chính xác, công bằng, khách quan và đúng với pháp luật. Hơn nữa, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại Toà án thấp hơn so với việc giải quyết tranh chấp thông qua Trọng tài thương mại hay Trọng tài quốc tế.

Bên cạnh những ưu điểm, giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án cũng bộc lộ một số nhược điểm: Việc giải quyết tranh chấp của Toà án phải tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng vì vậy thời gian giải quyết có thể bị kéo dài; hạn chế sự tác động của các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp, đôi lúc các bên không thể đạt được hết tất cả nguyện vọng của mình; giá trị công nhận và thi hành của phán quyết không mang tính quốc tế, chủ yếu chỉ có giá trị trong nước, trừ trường hợp có hiệp định hỗ trợ tư pháp.

### *1.2.3. Các loại tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Có nhiều loại tranh chấp HĐTD như tranh chấp về hành vi vi phạm nghĩa vụ của một hoặc các bên trong hợp đồng; tranh chấp về việc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với HĐTD có bảo đảm bằng tài sản; tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng; tranh chấp về định giá, xử lý tài sản bảo đảm đối với những HĐTD có bảo đảm bằng tài sản và tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD, cụ thể:

\* *Tranh chấp về hành vi vi phạm nghĩa vụ của một hoặc các bên trong hợp đồng:*

Hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên cho vay: Trong giao kết HĐTD, bên cho vay là các tổ chức tín dụng sau khi xác lập quan hệ tín dụng bằng văn bản, có nghĩa vụ giải ngân vốn vay mà hai bên đã thoả thuận. Một số trường hợp, bên cho vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ giải ngân đối với bên vay. Đây là hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên cho vay gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp, thậm chí gây ra những thiệt hại, tổn thất cho bên vay. Do đó, bên vay có quyền khởi kiện yêu cầu bên cho vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết và bồi thường tổn thất, thiệt hại (nếu có).

Hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên vay: Nghĩa vụ của bên vay phát sinh sau khi bên cho vay đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ theo thoả thuận. Nghĩa vụ của bên vay là trả nợ gốc, nợ lãi đầy đủ và đúng thời hạn đã cam kết. Như vậy, việc bên vay thực hiện việc trả nợ không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn như thoả thuận giữa hai bên được coi là hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vi phạm này khiến bên cho vay gặp khó khăn trong quá trình thu hồi nợ, giảm tỷ lệ nợ xấu theo đúng tỉ lệ mà Ngân hàng Nhà nước quy định. Đây là vi phạm phổ biến, thường gặp trong các tranh chấp HĐTD được yêu cầu giải quyết tại Toà án.

*\* Tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng tín dụng:*

Quá trình ký kết HĐTD, tư cách chủ thể của bên vay vốn là vấn đề quan trọng, cần được xem xét cẩn thận. Việc tranh chấp về chủ thể thường phát sinh khi bên vay là tổ chức, doanh nghiệp. Người đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp đứng ra ký kết HĐTD phải có tư cách chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định, điều lệ hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp đó. Trường hợp, chủ thể ký kết HĐTD không có thẩm quyền ký kết dẫn đến hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu, gây thiệt hại nặng nề cho các bên.

*\* Tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện biện pháp đảm bảo đối với HĐTD có bảo đảm tài sản và định giá, xử lý tài sản bảo đảm:*

Theo quy định của pháp luật, có ba hình thức bảo đảm tín dụng là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh. Khi bên vay không còn khả năng thanh toán khoản nợ tại các tổ chức tín dụng thì tài sản bảo đảm được coi là nguồn thu hồi nợ thứ hai. Tuy nhiên, quá trình thực hiện biện pháp đảm bảo có thể phát sinh các tranh chấp liên quan đến việc định giá, xử lý tài sản bảo đảm. Trước khi ký HĐTD và các hợp đồng bảo đảm liên quan đến HĐTD, việc xem xét, định giá tài sản bảo đảm cần được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định để xác định chủ sở hữu của tài sản, tài sản là tài sản riêng hay tài sản chung, nguồn gốc hình thành của tài sản, tranh chấp tài sản (nếu có),… để xác định rủi ro tranh chấp về tài sản bảo đảm không đúng quy định pháp luật.

*\* Tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng:*

Các tranh chấp HĐTD có yếu tố nước ngoài có thể phát sinh những tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD. Do quy định pháp luật của các nước không như nhau, trường hợp hai bên khi ký kết hợp đồng không thoả thuận rõ về việc lựa chọn pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD có thể gây ra những xung đột pháp luật, tranh chấp về pháp luật giải quyết.

### *1.2.4. Cấu trúc pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án*

#### 1.2.4.1. Cấu trúc bên ngoài của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án

Trong khoa học pháp lý, cấu trúc pháp luật được chia thành hai phần: cấu trúc bên ngoài và cấu trúc bên trong. Nếu cấu trúc bên trong phản ánh nội dung quy phạm nguyên tắc và cơ chế vận hành của pháp luật thì cấu trúc bên ngoài biểu hiện hình thức tổ chức, sắp xếp và hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực pháp lý cụ thể. Cấu trúc bên ngoài của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bao gồm các văn bản quy phạm được ban hành bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, điều chỉnh quan hệ xã hội trong phạm vi và đối tượng điều chỉnh là những mâu thuẫn, xung đột phát sinh trong quá trình thực hiện HĐTD. Đối với lĩnh vực giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án, cấu trúc bên ngoài của hệ thống pháp luật được thể hiện thông qua một hệ thống văn bản pháp lý có hệ thống rõ ràng, đa dạng về chủ thể ban hành và liên kết tương đối chặt chẽ về mặt nội dung.

Trước hết, cấu trúc bên ngoài của Pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án thể hiện ở sự phân tầng và phân cấp giữa các nhóm văn bản điều chỉnh. Ở tầng cao nhất là Hiến pháp năm 2013, đóng vai trò đạo luật gốc, quy định các nguyên tắc cơ bản về quyền con người, quyền công dân, quyền tiếp cận công lý và hoạt động của bộ máy Toà án, nền tảng bảo đảm tính hợp hiến trong quá trình giải quyết tranh chấp dân sự nói chung, trong đó có tranh chấp HĐTD.

Tiếp theo là các đạo luật chuyên ngành có vai trò điều chỉnh trực tiếp đến quan hệ tín dụng và thủ tục giải quyết tranh chấp, gồm: Bộ luật dân sự năm 2015, quy định các nguyên tắc giao kết, thực hiện và xử lý hậu quả của vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, bao gồm tranh chấp HĐTD; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, điều chỉnh hoạt động cho vay, thế chấp, xử lý nợ xấu và các nghĩa vụ pháp lý giữa TCTD và khách hàng; một số đạo luật chuyên ngành có liên quan khác như Luật ngân hàng, Luật Thương mại,….

Ở cấp độ tiếp theo là hệ thống các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành do Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan chức năng ban hành. Chẳng hạn, Nghị quyết số 21/2021/NĐ-CP quy định chi tiết về thi hành BLDS liên quan đến bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị quyết số 02/2016/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH 13 về việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử;… hay các thông tư của Ngân hàng Nhà nước quy định về phương thức cho vay, lãi suất, xử lý nợ quá hạn,… Đây là lớp văn bản có chức năng cụ thể hoá các quy định mang tính nguyên tắc trong luật, giúp các cơ quan tố tụng áp dụng pháp luật thuận lợi và thống nhất trong thực tiễn.

Ngoài ra, trong hệ thống pháp luật hiện hành, án lệ cũng được xem là một bộ phận của cấu trúc bên ngoài pháp luật, mặc dù không phải nguồn chính thức nhưng có giá trị tham khảo bắt buộc trong một số trường hợp tương tự. TAND Tối cao đã ban hành một số án lệ liên quan đến HĐTD và nghĩa vụ trả nợ, từ đó góp phần định hướng cho việc giải quyết các vụ án tương tự trong tương lai, tạo nên tính ổn định, nhất quán trong áp dụng pháp luật.

Bên cạnh việc phân tầng và hệ thống hoá theo thứ bậc, cấu trúc bên ngoài còn thể hiện ở hình thức trình bày của các văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm bố cục rõ ràng, có phần điều khoản, chương mục, tiểu mục và điều khoản chuyển tiếp. Cách tổ chức hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, áp dụng và so sánh giữa các văn bản khác nhau, đồng thời đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ hệ thống pháp luật.

Tóm lại, cấu trúc bên ngoài của pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án không chỉ thể hiện ở sự phân chia hệ thống văn bản theo cấp độ hiệu lực, mà còm bao gồm hình thức tổ chức, trình bày và cơ chế phối hợp giữa các nguồn pháp luật. Việc xây dựng và hoàn thiện cấu trúc bên ngoài một cách hợp lý là điều kiện cần thiết để đảm bảo tính khả thi, dễ tiếp cận và dễ áp dụng trong thực tiễn, đặc bệt trong bối cảnh các tranh chấp HĐTD ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp.

#### 1.2.4.2. Cấu trúc bên trong (cấu trúc nội dung) của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án

Giải quyết tranh chấp HĐTD là một trong những nội dung quan trọng trong hoạt động bảo đảm an toàn pháp lý cho thị trường tài chính - ngân hàng. Trong bối cảnh đó, hệ thống pháp luật hiện hành đã thiếp lập một cấu trú nội dung tương đối toàn diện nhằm điều chỉnh và hướng dẫn việc giải quyết các tranh chấp phát sinh, đặc biệt là thông qua con đường Toà án.

Cấu trúc nội dung của pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án có thể được phân chia thành các nhóm nội dung cơ bản sau đây:

*Quy định về chủ thể có quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án*

Một trong những nội dung đầu tiên trong cấu trúc của pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD là xác định chủ thể có quyền khởi kiện và cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Việc pháp luật quy định rõ về chủ thể có quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết tranh chấp HĐTD là yêu cầu mang tính tất yếu nhằm đảm bảo tính minh bạch, chính xác và hiệu quả trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án. Việc giới hạn chủ thể khởi kiện không chỉ góp phần ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền tố tụng, mà còn là cơ sở để đảm bảo rằng Toà án đã thụ lý các tranh chấp có thật, có căn cứ pháp lý rõ ràng, từ đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên một cách hiệu quả.

Đồng thời xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp cũng là một nội dung then chốt trong hệ thống pháp luật tố tụng dân sự, bởi thẩm quyền quyết định việc Toà án nào có trách nhiệm tiếp nhận, thụ lý và xét xử vụ án. Việc xác định đúng thẩm quyền giúp tránh tình trạng chuyển đơn, trả đơn hoặc thụ lý sai, gây kéo dài thười gian giải quyết tranh chấp và ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các bên liên quan.

*Nguyên tắc cơ bản trong tố tụng về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án*

Trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án, bên cạnh các quy định cụ thể về chủ thể, thẩm quyền, thủ tục, hệ thống pháp luật còn xây dựng một nền tảng lý luận mang tính định hướng, đó là các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự. Các nguyên tắc này giữ vai trò như “xương sống” của hệ thống pháp luật tố tụng, định hướng toàn bộ hoặt động của cơ quan tiến hành tố tụng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Trong đó, các nguyên tắc cơ bản không chỉ mang giá trị pháp lý, mà còn mang ý nghĩa lý luận sâu sắc, thể hiejn rõ quan điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong việc giải quyết tranh chấp dân sự nói chung và tranh chấp HĐTD nói riêng.

*Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án*

Trong hệ thống pháp luật tố tụng dân sự, trình tự và thủ tục giải quyết tranh chấp là trụ cột quan trọng nhằm đảm bảo quá trình giải quyết, xét xử diễn ra đúng quy định pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả. Đối với các tranh chấp phát sinh từ HĐTD là một quan hệ pháp lý đặc thù trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, việc xây dựng một trình tự, thủ tục tố tụng chặt chẽ và hợp lý là hết sức cần thiết để cân bằng quyền và nghĩa vụ giữa các bên, đồng thời tính ổn định và đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, tiêu biểu là BLTTDS năm 2015, đã thiết lập cấu trúc nội dung trình tự, thủ tục tố tụng gồm nhiều giai đoạn cụ thể, có tính liên kết chặt chẽ, từ đó tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng cho việc giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án.

Cấu trúc này bao gồm ba giai đoạn cơ bản: Giai đoạn tiếp nhận khởi kiện và thụ lý vụ án; Giai đoạn hoà giải và chuẩn bị xét xử; Giai đoạn xét xử tại Toà án. Giai đoạn tiến nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án là bước khởi đầu của quá trình tố tụng, có ý nghĩa quyết định đối với việc xác lập quan hệ pháp lý giữa đương sự và cơ quan tiến hành tố tụng. Giai đoạn hoà giải và chuẩn bị xét xử là trung tâm của quá trình giải quyết tranh chấp. Trong giai đoạn này, các bên được thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình một cách bình đẳng, thực hiện quyền được tự định đoạt, thể hiện ý chí của mình thông qua việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, đưa ra y kiến, yêu cầu và tự thống nhất, thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Giai đoạn xét xử là giai đoan kết thúc quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án, quyết định/bản án của Toà án là kết quả của việc giải quyết vụ án, buộc các bên liên quan phải chấp hành.

Nhìn chung, trình tự và thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án được xây dựng với cấu trúc nội dung chặt chẽ, khoa học, thống nhất. Mỗi giai đoạn trong cấu trúc này không chỉ có vai trò chức năng, mà còn mang giá trị thực tiễn sâu sắc. Việc tuân thủ theo trình tự, thủ tục tố tụng cũng là cơ sở nâng cao chất lượng giải quyết án và góp phần củng cố niềm tin vào cơ chế bảo vệ quyền lợi hợp pháp thông qua Toà án.

## 1.3. Ý nghĩa của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án

Việc giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án không chỉ là một cơ chế bảo vệ quyền lợi cá nhân, tổ chức trong quan hệ tín dụng, mà còn có vai trò thiết yếu trong việc bảo đảm trật tự pháp lý, ổn định hệ thống tài chính và phục vụ lợi ích kinh tế - xã hội.

*Thứ nhất, giải quyết tranh chấp HĐTD bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.* Đây là ý nghĩa quan trọng nhất của hoạt động giải quyết tranh chấp tại Toà án. Trong quan hệ tín dụng, các bên thường rơi vào tình trạng bất bình đẳng về năng lực tài chính, pháp lý và thông tin, đặc biệt giữa TCTD và bên vay. Khi một bên vi phạm nghĩa vụ như không thanh toán đúng hạn, trả lãi không đầy đủ hoặc vi phạm về tài sản bảo đảm, bên còn lại có quyền yêu cầu Toà án can thiệp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án với vai trò là cơ quan xét xử độc lập, sẽ phân tích hợp đồng, đối chiếu với các quy định pháp luật và chứng cứ các bên cung cấp để đưa ra phán quyết công bằng, khách quan. Nhờ đó, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong quan hệ tín dụng được xác lập và thực thi bằng con đường pháp lý chính thức, hạn chế nguy cơ các bên tự giải quyết bằng biện pháp tiêu cực hoặc trái với pháp luật.

*Thứ hai, giải quyết tranh chấp HĐTD góp phần duy trì sự minh bạch và ổn định của hệ thống tài chính.* Hệ thống tín dụng là xương sống của nền kinh tê hiện đại. Tuy nhiên, lĩnh vực này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro từ nợ xấu, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho đến hành vi lừa đảo tài chính. Khi các tranh chấp phát sinh mà không được giải quyết kịp thời, hệ luỵ có thể lan rộng, ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống ngân hàng và hoạt động tín dụng. Việc Toà án giải quyết HĐTD giúp làm rõ trách nhiệm pháp lý của các bên, xác định các nguyên tắc minh bạch trong giao dịch, đồng thời tạo ra các tiền lệ và chuẩn mực pháp lý cho thị trường tài chính. Điều này không chỉ giúp tăng cường tính ổn định của các giao dịch, mà còn nâng cao niềm tin của nhà đầu tư, khách hàng hàng vào cơ chế bảo vệ quyền lợi của pháp luật.

*Thứ ba, giải quyết tranh chấp HĐTD đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, giữ gìn an ninh trật tự xã hội.* Tranh chấp tín dụng nếu không được kiểm soát và xử lý hiệu quả, có thể trở thành nguồn gốc của hàng loạt hệ quả tiêu cực: phá sản doanh nghiệp, thất thoát vốn ngân hàng, gia tăng tội phạm tài chính, thậm chí gây bất ổn xã hội. Do đó, hoạt động giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án còn mang ý nghĩa lớn trong việc bảo đảm lợi ích chung của xã hội và Nhà nước. Thông qua việc xét xử công khai, công bằng và đúng pháp luật, Toà án không chỉ làm rõ ranh giới giữa đúng và sai, hợp pháp và bất hợp pháp trong hoạt động tín dụng mà còn thể hiện vai trò của Nhà nước trong bảo vệ pháp quyền, giữ gìn kỷ cương pháp luật và ổn định trật tự an toàn kinh tế. Đồng thời, đây cũng là công cụ ngăn ngừa, răn đe hiệu quả đối với những hành vi cố ý vi phạm nghĩa vụ tài chính hoặc lợi dụng sơ hở để trục lợi bất hợp pháp.

Nhìn chung, việc giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án có ý nghĩa toàn diện, không chỉ ở phạm vi quan hệ giữa các bên mà còn ở cấp độ hệ thống tài chính và trật tự xã hội. Đây là cơ chế không thể thiếu trong một Nhà nước pháp quyền, vừa bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của chủ thể tín dụng, vừa góp phần tạo dựng môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và phát triển bền vững cho hoạt động tín dụng và nền kinh tế nói chung.

## Tiểu kết phần 1

Các mâu thuẫn, xung đột về lợi ích dẫn đến các tranh chấp có thể phát sinh ở bất cứ giai đoạn nào trong quá trình thực hiện HĐTD. Những tranh chấp này có thể phát sinh ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình giao kết, thực hiện và chấm dứt HĐTD, với nguyên nhân đa dạng, bao gồm cả yếu tố khách quan (biến động thị trường, thay đổi chính sách pháp luật, sự kiện bất khả kháng,…) và yếu tố chủ quan (vi phạm nghĩa vụ, thiếu thiện chí hợp tác, năng lực quản trị rủi ro hạn chế,…). Việc nhận diện rõ nguyên nhân không chỉ giúp xác định bản chất tranh chấp mà còn là cơ sở để lựa chọn phương thức giải quyết phù hợp, cũng như xây dựng các biện pháp phòng ngừa và hạn chế phát sinh tranh chấp trong tương lai.

Trong Chương 1, đề án đã tập trung nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về HĐTD, tranh chấp HĐTD và pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD. Thông qua nghiên cứu lý luận, đề án chỉ ra rằng pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo an toàn tín dụng, duy trì ổn định thị trường tài chính ngân hàng, bảo vệ quyền và lợi ích các bên cũng như góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế.

Kết quả nghiên cứu của Chương 1 không chỉ cung cấp nền tảng lý thuyết mà còn tạo tiền đề cho việc đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng ở Chương 2. Trên cơ sở đó, đề án sẽ đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD trong thực tiễn, được trình bày chi tiết ở Chương 3.

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG,**

**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

## 2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Toà án

### *2.1.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án*

Trong giải quá trình quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án, việc áp dụng đúng và đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự là điều kiện tiên quyết để quá trình giải quyết, xét xử diễn ra công bằng, minh bạch và đúng pháp luật. Các nguyên tắc này không chỉ mang tín định hướng cho hoạt động tố tụng, mà còn phản ánh bản chất của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường, nơi các bên đều có quyền tự do thoả thuận nhưng phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

HĐTD bản chất là một giao dịch dân sự nên nguyên tắc giải quyết tranh chấp HĐTD cũng giống như nguyên tắc giải quyết tranh chấp dân sự được ghi nhận trong BLTTDS năm 2015, bao gồm:

*Thứ nhất, nguyên tắc tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự.[[5]](#footnote-5)* Thực tiễn giải quyết, xét xử các vụ án tranh chấp HĐTD cho thấy, Toà án chỉ tiến hành thụ lý khi có đơn khởi kiện hợp lệ từ một trong các bên. Bên khởi kiện có quyền quyết định phạm vi yêu cầu (đòi nợ gốc, nợ lãi, phí phạt, xử lý tài sản bảo đảm,…), rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Toà án không được tự ý mở rộng phạm vi xét xử vượt quá yêu cầu của đương sự. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên cũng có thể thoả thuận với nhau một cách tự nguyện về việc giải quyết toàn bộ vụ án (về số tiền nợ gốc, nợ lãi, lộ trình trả nợ, hướng xử lý tài sản bảo đảm,…) nhưng phải đảm bảo không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

*Thứ hai, nguyên tắc các đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh.[[6]](#footnote-6)* Trong các vụ án tín dụng, TCTD thường là bên đưa ra yêu cầu khởi kiện đòi nợ và có quyền, nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ như hợp đồng tín dụng, bảng kê công nợ, biên bản xác nhận nợ,… để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Trên thực tế, nhiều vụ án bị đình chỉ hoặc bác đơn do nguyên đơn không cung cấp được đầy đủ chứng cứ hoặc chứng cứ không đầy đủ, không có giá trị pháp lý (bản photo, không có xác nhận, thiếu chữ ký,…). Ngược lại, bị đơn cũng có nghĩa vụ chứng minh nếu có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu miễn giảm trách nhiệm. Điều này khẳng định vai trò trung tâm của nguyên tắc chứng minh trong thực tiễn và yêu cầu các bên phải chủ động, trung thực trong tố tụng.

*Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của các bên trong tố tụng dân sự.[[7]](#footnote-7)* Trong quan hệ tín dụng, các TCTD thường có ưu thế hơn về nền tảng tài chính, pháp lý và thông tin so với bên vay, tuy nhiên trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án, các bên được đảm bảo bình đằng về quyền và nghĩa vụ: Quyền cung cấp chứng cứ, đề nghị đối chất, phản bác lập luận và kháng cáo. Việc bảo đảm bình đẳng về thủ tục thể hiện rõ vai trò trung lập của Toà án trong việc bảo vệ công lý.

*Thứ tư, nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự*.[[8]](#footnote-8) Nguyên tắc này được thể hiện rõ trong các trường hợp một trong các bên yếu thế về năng lực hành vi, nhận thức pháp luật,… Các đương sự tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD đều có thể tự bảo vệ hoặc nhờ luật sư hay người khác có đủ điều kiện theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền bảo vệ của họ.

*Thứ năm, nguyên tắc hoà giải*. [[9]](#footnote-9) Hoà giải được xem là giải pháp hiệu quả trong giải quyết các tranh chấp tín dụng, giúp các bên tiết kiệm thời gian, chi phí và mối quan hệ dân dự - thương mại. Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải và tại điều kiện thuận lợi để các bên hoà giải với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong thực tế, rất nhiều vụ án tranh chấp HĐTD đã được hoà giải thành tại phiên hoà giải hoặc ngay tại phiên toà xét xử, nhất là trong trường hợp bên vay có thiện chí trả nợ và đề xuất phương án cụ thể. Toà án đóng vai trò trung gian hỗ trợ các bên đạt được thoả thuận hợp pháp. Việc tăng tỷ lệ hoà giải thành cũng giúp giảm tải cho hệ thống xét xử và thể hiện hiện hiệu quả vận dụng nguyên tắc này.

*Thứ sáu, nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp*.[[10]](#footnote-10) Trong nhiều vụ án tín dụng lớn có yếu tố doanh nghiệp, dư luận hoặc ảnh hưởng tài chính - chính trị, việc Toà án giữ được sự trung lập trong xét xử là hết sức quan trọng. Trên thực tế, một số vụ án tranh chấp giữa TCTD và doanh nghiệp về khoản vay có giá trị lớn đã được xét xử khách quan, dựa trên hồ sơ, chứng cứ và quy định pháp luật, bất chấp áp lực từ phía doanh nghiệp lớn hoặc tổ chức tài chính có ảnh hưởng. Điều này cho thấy nguyên tắc xét xử độc lập không chỉ là lý thuyết mà đã được vận dụng nghiêm túc trong thực tiễn, góp phần củng cố niềm tin và cơ quan tư pháp.

Từ thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án có thể khẳng định rằng các nguyên tắc tố tụng dân sự theo BLTTDS năm 2015 không chỉ mang tính lý luận mà còn được vận dụng linh hoạt và hiệu quả trong từng việc cụ thể. Việc áp dụng đúng đắn các nguyên tắc này không những bảo đảm quá trình giải quyết, xét xử các vụ án tranh chấp HĐTD công bằng, minh bạch mà còn tạo hành lang pháp lý ổn định cho hoạt động tín dụng phát triển an toàn, bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

### *2.1.2. Thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Trong hoạt động xét xử, việc xác định đúng thẩm quyền của Toà án là bước khởi đầu có tính quyết định đối với toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Đối với tranh chấp HĐTD, một loại tranh chấp phổ biến, thường liên quan đến các vấn đề đặc thù như tài sản bảo đảm, TCTD, địa điểm giao kết hợp đồng,…việc xác định thẩm quyền càng đòi hỏi sự chính xác và thống nhất trong thực tiễn áp dụng pháp luật. BLTTDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLTTDS năm 2015 hiện hành đã đưa ra các căn cứ pháp lý cụ thể để phân định thẩm quyền của Toà án cấp sơ thẩm trong việc giải quyết các tranh chấp HĐTD.

\* *Thẩm quyền theo loại vụ việc*

Khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 quy định về tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án: *“Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự”*.

Khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015 quy định về tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án: *“Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”*.

Tranh chấp HĐTD là tranh chấp dân sự khi bên vay vốn là hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận. Tranh chấp HĐTD là tranh chấp kinh doanh thương mại khi bên vay vốn là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh về đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định pháp luật.

\* *Thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015, thẩm quyền của Toà án theo lãnh thổ về việc giải quyết vụ án dân sự nói chung và tranh chấp HĐTD nói riêng được quy định như sau: *“Toà án nơi bị đơn cư trú, làm việc nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự,…, kinh doanh thương mại,… quy định tại các Điều 26, 30 của Bộ luật này.”* Và *“Các đương sự có quyền tự thoả thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu TAND nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự,…, kinh doanh thương mại,… quy định tại các Điều 26, 30 của Bộ luật này”.*

Áp dụng vào việc giải quyết tranh chấp HĐTD, nếu bên cho vay (các TCTD) là bị đơn thì Toà án nơi có trụ sở của TCTD đó có thẩm quyền giải quyết; nếu bị đơn là bên vay (cá nhân, tổ chức) thì Toà án nơi cá nhân cư trú hoặc nơi có trụ sở của tổ chức sẽ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trong thực tế, một số HĐTD tín dụng đã có điều khoản thoả thuận về nơi giải quyết tranh chấp như Toà án nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở,…là Toà án giải quyết tranh chấp HĐTD đó, nên thẩm quyền có thể được xác định theo thoả thuận.

Một cách xác định khác, nếu đối tượng của tranh chấp là bất động sản thì Toà án nơi có bất động sản sẽ có thẩm quyền giải quyết vụ án nếu có tranh chấp liên quan đến bất động sản đó. [[11]](#footnote-11)

\* *Thẩm quyền theo cấp Toà án*

Theo quy định tại các Điều 35, 36,37, 38 BLTTDS năm 2015, thẩm quyền giải quyết tranh chấp được xác định theo cấp Toà án, bao gồm các cấp: TAND cấp huyện, TAND cấp tỉnh và Toà chuyên trách thuộc TAND các cấp. Trọng phạm vi đề án này, chỉ làm rõ thẩm quyền giải quyết tranh chấp của TAND cấp huyện.

Theo khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015, TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các tranh chấp HĐTD. Quy định về thẩm quyền nhằm mục đích xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án mỗi cấp trong việc thụ lý, giải quyết các tranh chấp, tạo sự chủ động và nâng cao vai trò các cấp Toà án.

\* *Thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn*

Điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015 quy định: *“Nguyên đơn có quyền lựa chọn Toà án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong trường hợp: Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi hợp đồng thực hiện giải quyết”*.

Thẩm quyền của Toà án theo sự lựa chọn của nguyên đơn trong vụ tranh chấp HĐTD ngân hàng được xác định như sau:

Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết.[[12]](#footnote-12)

Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án tại nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh để yêu cầu giải quyết.[[13]](#footnote-13)

Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi hợp đồng thực hiện giải quyết.[[14]](#footnote-14)

Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án tại nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở.[[15]](#footnote-15)

Đối với các tranh chấp HĐTD, quy định này của pháp luật tạo điều kiện cho bên vay là các TCTD khởi kiện bên vay vốn, gia tăng khả năng kiểm soát quá trình tố tụng, tăng hiệu quả thu hồi vốn.

### *2.1.3. Chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD không chỉ liên quan đến hai bên ký kết HĐTD mà còn có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, mỗi chủ thể giữ vị trí, vai trò và trách nhiệm pháp lý riêng biệt trong quá trình tố tụng dân sự. Do đó, việc nghiên cứu và phân tích các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD là rất cần thiết nhằm xác định đúng tư cách tố tụng, quyền và nghĩa vụ pháp lý của từng bên, bảo đảm quá trình giải quyết tranh chấp diễn ra đúng pháp luật và hiệu quả.

Trong quan hệ tố tụng, chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD gồm có hai nhóm chủ thể, bao gồm: nhóm chủ thể tiến hành tố tụng và nhóm chủ thể tham gia tố tụng.

\* *Nhóm chủ thể tiến hành tố tụng*

Theo quy định tại Điều 46 BLTTDS năm 2015, chủ thể tiến hành tố tụng gồm: Các cơ quan tiến hành tố tụng (TAND, VKSND) và người tiến hành tố tụng (Chánh án TAND, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thẩm tra viên, Thư ký Toà án, Viện trưởng VKS, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên). Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể tiến hành tố tụng được quy định từ Điều 47 đến Điều 59 BLTTDS năm 2015.

Trong giải quyết tranh chấp HĐTD, Toà án giữ vai trò chủ thể trung tâm. Đây là cơ quan tiếp nhận đơn khởi kiện, giải quyết tranh chấp theo thủ tục tố tụng, là trung gian hoà giải, phán quyết việc giải quyết tranh chấp giữa các bên. Trong cơ cấu tổ chức của Toà án, Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và Thẩm tra viên là những người trực tiếp tiến hành tố tụng. Trong đó, Chánh án TAND tổ chức công tác giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền của Toà án án; bảo đảm thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và tuân theo pháp luật.[[16]](#footnote-16) Thẩm phán là người có vai trò quyết định trong xét xử, đảm bảo mọi hoạt động tố tụng được diễn ra theo đúng quy định cảu pháp luật. Hội thẩm nhân dân cùng Thẩm phán tham gia xét xử, thể hiện nguyên tắc nhân dân tham gia quản lý nhà nước và hoạt động xét xử. Thư ký Toà án hỗ trợ quá trình tố tụng bằng việc ghi chép biên bản phiên toà, phiên họp, chuẩn bị các công tác nghiệp vụ cần thiết, đảm bảo tài liệu được quản lý hợp pháp. Toà án thực hiện quyền xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm xét xử công bằng, đúng pháp luật.

VKSND có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng, đặc biệt khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích công dân, tổ chức, Nhà nước. Khi tham vào giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án, Viện trưởng, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên sẽ kiểm tra tính hợp pháp của cả quá trình tố tụng: từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử vụ án. VKS có thể phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và đưa ra kháng nghị nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng. Việc VKS tham gia bảo đảm tính khách quan, minh bạch của quá trình giải quyết tranh chấp, tránh việc lạm dụng quyền lực hoặc vi phạm quyền lợi hợp pháp của đương sự, nhất là trong các tranh chấp có giá trị lớn, phức tạp liên quan đến tín dụng.

\* *Nhóm chủ thể tham gia tố tụng:*

Theo quy định tại Chương VI của BLTTDS năm 2015, người tham gia tố tụng gồm có các đương sự và người tham gia tố tụng khác.

*Đương sự trong vụ án tranh chấp HĐTD* là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đương sự có quyền, lợi ích và nghĩa vụ trực tiếp đối với tranh chấp bị khởi kiện tại Toà án. Quyền và nghĩa vụ trong quá trình tố tụng của các đương sự được quy định từ Điều 70 đến Điều 74 BLTTDS năm 2015.

Trong tranh chấp HĐTD, đương sự là những cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền và nghĩa vụ trực tiếp đến quan hệ tín dụng bị tranh chấp. Trong đó, nguyên đơn (bên khởi kiện) thường là các TCTD (ngân hàng, công ty tài chính,…), yêu cầu Toà án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Bị đơn (bên bị kiện) thường là bên vay vốn (cá nhân, pháp nhân) bị yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bên không trực tiếp ký kết HĐTD nhưng có quyền hoặc nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi kết quả giải quyết tranh chấp. Ví dụ như người bảo lãnh khoản vay, người đứng tên tài sản bảo đảm, người cùng sở hữu tài sản thế chấp, bên nhận chuyển nhượng nghĩa vụ trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ như: trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, yêu cầu thu thập chứng cứ, đề nghị trưng cầu giám định, yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, tham gia hỏi, tranh luận tại phiên toà, , kháng cáo bản án/quyết định của Toà án,… Đồng thời, đương sự cũng có nghĩa vụ tôn trọng Toà án, trung thực trong cung cấp thông tin, chấp hành quyết định/bản án khi đã có hiệu lực pháp luật.

*Người tham gia tố tụng khác bao gồm:* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, người làm chứng, người phiên dịch, người đại diện. Quyền, nghĩa vụ và các quy định khác về người tham gia tố tụng khác được quy định rõ tại Mục 2 Chương VI của BLTTDS năm 2015.

Người đại diện đương sự có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo uỷ quyền, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhân danh người được đại diện. Trong tranh chấp HĐTD, người đại diện theo uỷ quyền thường là luật sư, cán bộ pháp chế của ngân hàng, người thân của bên vay,…; đại diện theo pháp luật phổ biến với TCTD là giám đốc, tổng giám đốc hoặc người được ghi trong điều lệ doanh nghiệp. Quyền của người đại diện bao gồm: tham gia phiên họp, phiên toà, cung cấp tài liệu, chứng cứ, thực hiện nghĩa vụ chứng minh, kháng cáo,…

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự thường là luật sư hoặc người có chuyên môn pháp lý do đương sự mời để thay họ trình bày, tranh luận tại phiên toà, đưa ra lập luận pháp lý và đề xuất hướng giải quyết vụ án.

Ngường làm chứng là người có thông tin, hiểu biết về sự kiện, hành vi có liên quan đến tranh chấp. Trong vụ án tranh chấp HDDTD người làm chứng có thể là nhân viên tín dụng, cán bộ thẩm định, kế toán,… Họ giúp xác minh các tình tiết thực tế như: việc giải ngân, quá trình thu hồi nợ, hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán,…

Người phiên dịch tham gia tố tụng khi một trong các bên đương sự không thông thạo tiếng Việt, thường gặp trong các tranh chấp nước ngoài, hiếm gặp trong các tranh chấp HĐTD mà TAND cấp huyện giải quyết.

Việc xác định đúng nhóm chủ thể tham gia tố tụng trong giải quyết tranh chấp HĐTD có ý nghĩa pháp lý quan trọng trong việc bảo đảm tính đúng đắn, khách quan và toàn diện của quá trình giải quyết vụ án. Mỗi chủ thể đều có vai trò riêng và được pháp luật quy định rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc “mọi công dân dều bình đẳng trước pháp luật”.

### *2.1.4. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*

\* *Giai đoạn tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án*

Điều 186 BLTTDS năm 2015 quy định: *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (sau đây gọi chung là người khởi kiện) tại Toà án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”.*

Để thực hiện quyền khởi kiện của mình, người khởi kiện phải nộp đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện tại TAND có thẩm quyền. Đơn khởi kiện phải đáp ứng yêu cầu hình thức và nội dung:

*Về hình thức,* đơn khởi kiện phải ghi đủ ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện, tên Toà án yêu cầu giải quyết và người ký đơn khởi kiện phải có thẩm quyền ký.

*Về nội dung,* đơn khởi kiện phải có đầy đủ thông tin về nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; quyền và lợi ích của người khởi kiện bị xâm phạm; những vấn đề yêu cầu Toà án giải quyết. Nội dung của đơn khởi kiện phải trình bày ngắn gọn, đầy đủ. Thông thường trong các vụ án tranh chấp HĐTD, đơn khởi kiện cần có nội dung về thời gian ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng ký kết, việc thực hiện hợp đồng, việc vi phạm hợp đồng và vấn đề yêu cầu Toà án giải quyết.[[17]](#footnote-17)

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Toà án phân công Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán được phân công phải xem xét đơn khởi kiện và đưa ra một trong số các quyết định: Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án; Chuyển đơn khởi kiện cho Toà án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án khác; Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.[[18]](#footnote-18)

Trường hợp, sau khi xem xét đơn khởi kiện hoặc sau khi người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Toà án, xét thấy có đủ các điều kiện thụ lý vụ án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khổi kiện biết để họ đến Toà án làm thủ tục tạm ứng án phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí. Thẩm phán dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi trong và giấy báo và thông báo ngay cho người khởi biết để họ đến Toà án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thười hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Toà án về việc nộp tạm ứng án phí , người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Toà án biên lai nộp tạm ứng án phí. Thẩm phán thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Toà án biên lai thu tiền tạm ứng án phí và ghi vào sổ thụ lý. Trong trường hợp người khỏi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Thẩm phán phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.[[19]](#footnote-19)

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, kể từ ngày thụ lý vụ án, Chánh án Toà án quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Toà án đã thụ lý vụ án.[[20]](#footnote-20)

\* *Giai đoạn hoà giải và chuẩn bị xét xử:*

Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn giải quyết vụ án như lập hồ sơ vụ án; xác định tranh chấp giữa các đương sự và pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp; làm rõ tình tiết khách quan của vụ án; thu thập, xác minh chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chuứng cứ và hoà giải…

Thời gian, địa điểm hoà giải phải được thông báo hợp lệ cho các bên đương sự và người tham gia tố tụng khác. Việc hoà giải được tiến hành theo nguyên tắc: tôn trọng sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự; không được dùng vũ lực hoặc đe doạ sử dụng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thoả thuận không phù hợp với ý chí của mình; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội. [[21]](#footnote-21)

Thành phần phiên hoà giải gồm: Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải, thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp và hoà giải, các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự. Trong một vụ án có nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt trong phiên hoà giải nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành phiên họp và việc tiến hành phiên họp đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành phiên họp giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên họp. Thẩm phán phải thông báo việc hoãn phiên họp và việc mở lại phiên họp cho đương sự.[[22]](#footnote-22)

Trình tự tiến hành hoà giải: Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác lần lượt trình bày ý kiến, và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có). Sau khi các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày hết ý kiến của mình, Thẩm phán xác định những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất. Thẩm phán kết luận về những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất.[[23]](#footnote-23)

Diễn biến phiên họp và hoà giải được Thư ký ghi vào biên bản hoà giải, đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 211 BLTTDS năm 2015. Khi các đương sự thoả thuận với nhau về vấn đề giải quyết trong vụ án dân sự thì Toà án lập biên bản hoà giải thành. Trường hợp hoà giải không thành thì Toà án lập biên bản hoà giải không thành và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hoà giải.[[24]](#footnote-24)

Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.[[25]](#footnote-25)

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội.[[26]](#footnote-26)

Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án tranh chấp HĐTD là 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Đối với các tranh chấp có tính phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá 01 tháng. [[27]](#footnote-27)

\**Giai đoạn xét xử tại phiên toà sơ thẩm*

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Toà án phải mở phiên toà; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.[[28]](#footnote-28)

Phiên toà sơ thẩm phải được tiến hành đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc giấy báo mở lại phiên toà trong trường hợp hoãn phiên toà. [[29]](#footnote-29)

Những người tham gia phiên toà phải chấp hành nội quy phiên toà và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình tuân theo sự điều khiển trình tự của chủ toạ phiên toà. Theo đó, dưới sự điều khiển của chủ toạ, phiên toà được diễn ra lần lượt các nội dung, được chia thành 3 phần: Phần thủ tục bắt đầu phiên toà (tuyên bố khai mạc phiên toà, kiểm tra sự có mặt của những người được triệu tập, phổ biến quyền và nghĩa vụ tố tụng,…); phần tranh tụng tại phiên toà (bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp); phần nghị án và tuyên án. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Toà án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và VKS cùng cấp.

Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án hiện nay được quy định chủ yếu trong BLTTTDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nhìn chung, hệ thống pháp luật tố tụng có nhiều tiến bộ, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ tín dụng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số bất cập cần được hoàn thiện hơn cả về nội dung lẫn cơ chế thực thi, nhằm nâng cao hiệu quả và tính khả thi của quá trình giải quyết, xét xử để phù hợp với thực tiễn ngày càng phức tạp của các quan hệ tín dụng.

### *2.1.5. Một số quy định pháp luật về hướng dẫn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trong một số trường hợp cụ thể*

\* *Xử lý đơn khởi kiện, giải quyết vụ án trong trường hợp không rõ địa chỉ của bị đơn*

Trên thực tế, nhiều trường hợp sau khi vay được tài sản, bị đơn có dấu hiệu trốn nợ như thay đổi địa chỉ cư trú, địa chỉ trụ sở, chi nhánh; hoặc doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng không tiến hành thủ tục giải thể, không biết địa chỉ của người quản lý, đại diện theo pháp luật. Điều này gây ra những khó khăn trong việc xác định Toà án có thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ và việc cấp, tống đạt văn bản trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án.[[30]](#footnote-30)

Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP quy định: *“Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho Toà án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì được coi là ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan”.*

Điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”.*

Điểm a,b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP quy định: “*a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại**khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015**thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*

*b) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức theo hướng dẫn tại**điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở”. Trường hợp cơ quan, tổ chức thay đổi trụ sở mà không công bố công khai theo quy định tại**khoản 1 Điều 79 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.*

Do đó, trong tranh chấp HĐTD, người khởi kiện cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng HĐTD bằng văn bản thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, trường hợp không thể xác định được nơi cư trú của bị đơn thì Tòa án sẽ không được đình chỉ giải quyết vụ án, không yêu cầu nguyên đơn rút đơn mà phải tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Trong trường hợp Tòa án không thể xác định được nơi cư trú của bị đơn, không tống đạt được các văn bản tố tụng của của vụ án thì Tòa án thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 179 BLTTDS năm 2015 và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 BLTTDS năm 2015. Sau khi thực hiện xong các thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng mà bị đơn không có mặt để làm viêc thì tòa án có thể xét xử vắng mặt bị đơn.

*\* Xác định người tham gia tố tụng trong trường hợp thành viên hộ gia đình có quyền đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên “hộ gia đình”*

Áp dụng khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sinh sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”* và Điều 212 BLDS năm 2015 quy định về sở hữu chung của cá thành viên gia đình, có những thành viên nào từ đủ 15 tuổi trở lên (Điều 109 BLDS năm 2005), người thành niên (Điều 212 BLDS năm 2015) để Toà án xác định đầy đủ các thành viên có quyền về tài sản vào tham gia tố tụng nhằm xem xét, xử lý triệt để vụ án.[[31]](#footnote-31) Để xác định có bao nhiêu người trong hộ gia đình thực sự có quyền về tài sản, cần lưu ý không chỉ căn cứ vào nội dung GCNQSDĐ, sổ hộ khẩu, mà cần xác định rõ ai mới là thành viên của hộ gia đình thực sự có quyền về tài sản.[[32]](#footnote-32)

*\* Xác định phạt vi phạm*

Thực tế, trong nhiều HĐTD có quy định thêm điều khoản về phạt vi phạm đối với việc quá hạn của hợp đồng ngoài việc chuyển sang nợ quá hạn. Về bản chất, đây là khoản phạt quá hạn (thường bằng 150% lãi suất trong hạn); khi phát sinh tranh chấp, nhiều Toà án căn cứ thoả thuận tại HĐTD đã công nhận điều khoản này là không đúng. [[33]](#footnote-33)

Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định nguyên tắc “*chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn”.* Do vậy, nếu các bên đã thoả thuận về lãi suất quá hạn (thường bằng 150% lãi suất vay trong hạn), lại còn quy định thêm khoản phạt chậm trả hoặc lãi đối với lãi chậm trả là không đúng.[[34]](#footnote-34)

*\* Xác định việc thế chấp của bên thứ ba vô hiệu*

Có trường hợp tổ chức, cá nhân dùng tài sản của chính mình để bảo đảm nghĩa vụ vay của người khác. Tuy nhiên, một số cơ quan tố tụng lại cho rằng thực chất đây là hợp đồng bảo lãnh, do đó các bên phải ký kết hợp đồng bảo lãnh chứ không phải HĐTC của bên thứ ba.[[35]](#footnote-35)

Khoản 1 Điều 335 BLDS năm 2015 quy định: *“Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.*

Khoản 3 Điều 336 BLDS năm 2015 quy định: *“Các bên có thoả thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”.* Căn cứ các quy định trên thì những thoả thuận xử lý tài sản của bên thứ ba phù hợp với quy định này vẫn có hiệu lực, không bị vô hiệu.

## 2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### *2.2.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình kinh tế - xã hội của quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội*

Quận Hai Bà Trưng nằm ở trung tâm thành phố Hà Nội, có diện tích 9,2 km2. Với vị trí địa lý đặc biệt, quận tiếp giáp với các quận nội thành khác như Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hoàng Mai và Long Biên (qua sông Hồng), tạo nên vùng trung tâm đo thị năng động và phát triển mạnh mẽ. Quận gồm 15 phường: Bạch Đằng, Bách Khoa, Đồng Nhân, Đồng Tâm, Lê Đại Hành, Phạm Đình Hổ, Minh Khai, Vĩnh Tuy, Nguyễn Du, Phố Huế, Trương Định, Bạch Mai, Thanh Lương, Thanh Nhàn, Quỳnh Mai.[[36]](#footnote-36)

Đặc điểm địa hình tương đối bằng phẳng, thuận tiện cho phát triển hạ tầng kỹ thuật và kinh tế đô thị. Tuy nhiên, do nằm trong vùng lõi đô thị hoá nhanh nên quận Hai Bà Trưng đang đối mặt với nhiều thách thức như áp lực dân cư cao, mật độ xây dựng dày đặc và quỹ đất hạn chế. Những yết tố này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội và hình thức, quy mô hoạt động tín dụng.

Tính đến năm 2018, dân số quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đạt khoảng 318.000 người, thuộc nhóm quận có mật độ dân số cao nhất Hà Nội. Với diện tích khoảng 9,2 km2, mật độ dân số trung bình đạt khoảng 34.565 người/ km2. Đây là một số rất lớn, phản ánh sức ép về nhà ở, đất đai, dịch vụ công cộng cũng như nhu cầu về tài chính tín dụng.

Quận có cơ cấu dân cư đa dạng: bên cạnh cư dân gốc Hà Nội lâu đời còn có số lượng lớn người lao động ngoại tỉnh, sinh viên (do có các trường đại học lớn như Đại học Bách Khoa, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Mở Hà Nội,…), cán bộ công chức, tiểu thương, hộ kinh doanh cá thể,… Chính sự đa dạng này tạo nên nhu cầu tín dụng phong phú, từ vay tiêu dùng, vay mua nhà, vay đầu tưu sản xuất kinh doanh đến vay vốn du học, du lịch,… Đồng thời, cũng kéo theo các tranh chấp tín dụng phát sinh do việc thiếu kiểm soát trong vay nợ, không bảo đảm khả năng chi trả, hoặc phát sinh từ các HĐTD cá nhân không minh bạch.

Một vấn đề nổi cộm là tình trạng một bộ phận dân cư, đặc biệt là các tiểu thương và người lao động tự do, thường sử dụng dịch vụ vay tín dụng đen hoặc vay ngân hàng nhưng không đủ khả năng thanh toán, dẫn đến tranh chấp, kiện tụng kéo dài. Trong bối cảnh dân cư đông, tính di động cao, việc thu hồi nợ gặp khó khăn, góp phần làm gia tăng số lượng vụ án dân sự về tranh chấp HĐTD tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Theo báo cáo năm 2008, toàn quận có hơn 3.300 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó khoảng 70% hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, còn lại là hoạt động công nghiệp.[[37]](#footnote-37) Quận là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, cơ sở sản xuất - kinh doanh trong các lĩnh vực truyền thống như cơ khí, dệt may, chế biến thực phẩm,… Đồng thời, do vị trí thuận lợi và cơ sở hạ tầng đang được hoàn thiện, quận là nơi đặt trụ sở nhiều doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp FDI và các chi nhánh ngân hàng thương mại.

Sự phát triển nhanh của khu vực dịch vụ và thương mại kéo theo nhu cầu lớn về vốn đầu tư, vốn lưu động và vốn tiêu dùng. Các TCTD trên địa bàn (gồm ngân hàng quốc doanh, cổ phần, công ty tài chính, quỹ tín dụng,…) phát triển mạnh mẽ với hàng trăm chi nhánh, văn phòng giao dịch. Cạnh tranh giữa các TCTD ngày càng khốc liệt, làm gia tăng khả năng cấp tín dụng thiếu kiểm soát, dẫn đến phát sinh tranh chấp khi bên vay mất khả năng trả nợ hoặc bên cho vay áp dụng lãi suất, phí phạt vượt quá quy định.

Đa số doanh nghiệp trên địa bàn quận có quy mô vừa và nhỏ, năng lực quản trị và tài chính hạn chế. Việc vay vốn ngân hàng thường không đi kèm kế hoạch trả nợ khả thi. Một số doanh nghiệp sử dụng tài sản bảo đảm không hợp lệ, chứng minh thu nhập không trung thực, dẫn đến tranh chấp sau khi HĐTD được ký kết. Bên cạnh đó, các tranh chấp liên quan đến giải ngân sai thoả thuận, thu nợ trước hạn, tính lãi phạt sai quy định,… cũng là nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa các TCTD và khách hàng.

Quận Hai Bà Trưng là một khu vực điển hình cho quá trình đô thị hoá nhanh gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế nhiều thành phần, dẫn đến sự đa dạng và phức tạp trong các quan hệ tín dụng. Chính từ môi trường này đã phát sinh nhiều tranh chấp HĐTD, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc hoàn thiện pháp luật, nâng cao nhận thức pháp lý cho người dân và đổi mới cơ chế xét xử để bảo vệ công bằng, trật trự trong quan hệ tín dụng.

### *2.2.2. Tình hình giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội*

Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là đơn vị Toà án cấp quận, đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chức năng xét xử sơ thẩm các loại án. Trong bối cảnh cải cách tư pháp toàn diện và thúc đẩy chuyển đổi số trong hệ thống Toà án, TAND quận Hai Bà Trưng đã có nhiều bước tiến trong công tác tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp gắn với ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, khối lượng công việc ngày càng gia tăng, cùng với sự phát sinh nhiều dạng tranh chấp mới đòi hỏi TAND quận Hai Bà Trưng phải không ngừng hoàn thiện, đổi mới phương thức xét xử để đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Tính đến tháng 12/2024, với biên chế gồm: 17 Thẩm phán (trong đó bao gồm 01 Chánh án, 02 Phó Chánh án), 12 Thư ký, 01 cán bộ kế toán, TAND quận Hai Bà Trưng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xét xử trong điều kiện nhiều thách thức. Thuận lợi lớn nhất của TAND quận Hai Bà Trưng là đội ngũ Thẩm phán, cán bộ có trình độ chuyên môn vững, giàu kinh nghiệp thực tiễn, có khả năng xử lý các vụ án phức tạp về tín dụng, tài sản, hợp đồng,… Bên cạnh đó, TAND quận Hai Bà Trưng đã bước đầu tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn thông qua phần mềm Quản lý Toà án, Công bố bản án và sử dụng phần mềm Trợ lý ảo Toà án để cập nhật các quy định pháp luật, hỗ trợ tranh luận và tham khảo việc áp dụng pháp luật để thúc đẩy quá trình giải quyết các tranh chấp tại Toà án nhanh chóng và hiệu quả hơn. Mặc dù việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa thực sự hiệu quả do hạn chế về kỹ năng sử dụng, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu và phần mềm còn chưa được hoàn thiện, song đó vẫn là bước đi quan trọng theo hướng hiện đại hoá Toà án.

Tuy nhiên, công tác xét xử của TAND quận Hai Bà Trưng vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn đáng kể. Trước hết là áp lực từ khối lượng công việc lớn: mỗi năm TAND quận Hai Bà Trưng thụ lý từ khoảng 1.600 - 1.800 vụ việc các loại, trung bình mỗi Thẩm phán phải thụ lý, giải quyết trên 100 vụ/năm. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến thời gian nghiên cứu hồ sơ, tổ chức hoà giải và chất lượn xét xử. Ngoài ra, các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại, đặc biệt là tranh chấp HĐTD, tài sản bảo đảm, … ngày càng phức tạp cả về pháp lý lẫn thực tiễn, yêu cầu Thẩm phán không chỉ nắm vững luật mà còn cần kiến thức liên ngành về tài chính, ngân hàng, đất đai. Sự thiếu hụt nhân sự hành chính văn phòng cũng khiến các hoạt động hỗ trợ tố tụng và hành chính tư pháp gặp nhiều khó khăn. Hạ tầng ký thuật phục vụ chuyển đổi số còn nhiều hạn chế: phòng xét xử chưa đạt chuẩn trực tuyến, thiếu thiết bị ghi âm, ghi hình; hệ thống lưu trữ chưa liên thông với các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án; phần mềm trợ lý ảo pháp lý còn hạn chế về khả năng phân tích chuyên sâu, chủ yếu dừng ở mức tra cứu văn bản, chưa có năng lực hỗ trợ lập luận đa chiều.

Trong những năm gần đây, đã xuất hiện xu hướng tăng về số lượng các vụ án tranh chấp HĐTD trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Mặc dù đối diện với không ít khó khăn, nhưng Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của họ trong những năm qua. Số lượng các vụ án đã được giải quyết đã tăng lên và hiệu suất giải quyết của Tòa án đã đạt mức cao, đặc biệt trong việc xử lý các tranh chấp liên quan đến HĐTD.

Để cụ thể hơn dựa vào báo cáo tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, có thể thấy rằng việc giải quyết các vụ án nói chung và đặc biệt là các vụ án liên quan đến tranh chấp HĐTD đã đạt được những thanh tựu đáng kể.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng thụ lý** | **Giải quyết** | | | | **Tổng giải quyết** | **Tỷ lệ giải quyết** |
| **Xét xử** | **Đình chỉ** | **QĐ công nhân thoả thuận** | **Chuyển vụ án** |
| **2022** | 255 | 56 | 21 | 33 | 12 | 122 | 78,7% |
| **2023** | 274 | 83 | 15 | 32 | 15 | 145 | 52,9% |
| **2024** | 268 | 74 | 52 | 57 | 18 | 201 | 75% |

*Bảng 1.1. Số liệu thụ lý, giải quyết án tranh chấp Hợp đồng tín dụng   
của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng qua các năm 2022, 2023, 2024*

Theo thống kê, từ năm 2022 đến 2024, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý số lượng lớn các vụ án tranh chấp HĐTD và có xu hướng ngày càng tăng lên, năm 2023 tăng 19 vụ so với năm 2022, năm 2024 tăng 13 vụ so với năm 2022. Nguyên nhân gia tăng các vụ án tranh chấp HĐTD do nhu cầu vay vốn gia tăng. Đây là một phần do yêu cầu tất yếu của việc phát triển kinh tế; một phần do hậu quả của đại dịch Covid -19 làm ngưng trệ việc sản xuất, kinh doanh, quay vòng dòng tiền.

Có thể thấy rằng số lượng vụ án HĐTD được thụ lý giải quyết tương đối cao so với các Toà án khác trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thực tế, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng với đội ngũ Thẩm phán, cán bộ có kinh nghiệm, trách nhiệm đã rất tích cực trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp HDDTD, bước đầu áp dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ giải quyết các loại án. Song, dựa trên số liệu thống kê, số lượng giải quyết các vụ tranh chấp HĐTD so với số vụ Toà án đã thụ lý có sự chênh lệch tương đối lớn. Ví dụ vào năm 2023, chỉ có 52,9% các vụ tranh chấp được giải quyết so với số lượng các vụ đã được thụ lý. Điều này cho thấy chất lượng của quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu của nền kinh tế thị trường hiện nay.

Thông qua các báo cáo tổng kết công tác xét xử hàng năm của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, những vụ án tranh chấp HĐTD được giải quyết bằng phương thức công nhận thỏa thuận của các đương sự chiếm tỉ lệ tương đối cao trong tổng số các vụ án tranh chấp HĐTD đã được giải quyết: Năm 2022 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 33/122 vụ án tranh chấp HĐTD đã giải quyết, đạt tỉ lệ 27,05%; năm 2023 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 32/145 vụ án tranh chấp HĐTD đã giải quyết, đạt tỉ lệ 22,06%; năm 2024 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 57/201 vụ án tranh chấp HĐTD đã giải quyết, đạt tỉ lệ 28,36%.

Tại Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự Tòa án ghi nhận sự thống nhất ý chí xuất phát từ sự tự nguyện của các bên về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Thỏa thuận, thương lượng, hòa giải là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình tố tụng, được khuyến khích thực hện trong tất cả các giai đoạn tố tụng. Khi tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án các chủ thể tự do ý chí và tự do bày tỏ ý chí, thực hiện quyền tự định đoạt của mình. Việc công nhận thỏa thuận của các đương sự được thể hiện bằng một văn bản có giá trị pháp lý bắt buộc, được đảm bảo bằng sự cưỡng chế thi hành của Nhà nước. Thông qua công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, vụ án tranh chấp HĐTD được giải quyết nhanh chóng, thời gian tố tụng được rút ngắn, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ nhân dân.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp với xu hướng chung của thời đại, được Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng chú trọng, tích cực thực hiện. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, phần lớn trong quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp HĐTD, các bên đương sự không thể thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án buộc phải giải quyết vụ án bằng hình thức đưa vụ án ra xét xử: Năm 2022, TAND quận Hai Bà Trưng xét xử 56/122 vụ án tranh chấp HĐTD đã giải quyết, đạt tỉ lệ 45,9%; năm 2023, TAND quận Hai Bà Trưng xét xử 83/145 vụ án tranh chấp HĐTD đã giải quyết, đạt tỉ lệ 57,24%; năm 2024, TAND quận Hai Bà Trưng xét xử 74/201 vụ án tranh chấp HĐTD đã giải quyết, đạt tỉ lệ 36,82%.

Từ thực tiễn nêu trên, có thể thấy rằng TAND quận Hai Bà Trưng đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử, từng bước tiếp cận tiến trình hiện đại hoá tư pháp. Tuy nhiên, các khó khăn về nhân sự, áp lực công việc, tính chất vụ án và điều kiện cơ sở vật chất vẫn là những vấn đề cần được nhận diện và có giải pháp khắc phục phù hợp nhằm gia tăng hiệu quả và nhanh chóng giải quyết các tranh chấp tại Toà án nói chung và tranh chấp HĐTD tại Toà án nói riêng.

**2.3. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**

***2.3.1. Những hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội***

*Thứ nhất, về xác định quan hệ tranh chấp*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS 2015 quy định: “1. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.”

Quy định này phát sinh các cách hiểu khác nhau:

Theo cách hiểu thứ nhất, quy định này áp dụng cho tranh chấp không chỉ giữa các tổ chức và cá nhân đã đăng ký kinh doanh với mục tiêu lợi nhuận, mà còn cho các tình huống liên quan đến xung đột giữa một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh nhưng lại có mục tiêu lợi nhuận. Dưới góc nhìn này, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiếp nhận và xem xét các vụ tranh chấp giữa cá nhân và các tổ chức tín dụng là loại tranh chấp KDTM. Theo quan điểm này, quy định của pháp luật chỉ đề cập đến tổ chức là có đăng ký kinh doanh, trong khi cá nhân không cần phải đăng ký kinh doanh, và hợp đồng ký kết giữa các bên có mục đích lợi nhuận cũng được xem là hợp lệ. Theo cách hiểu này, các cá nhân, dù không có đăng ký kinh doanh, nhưng lại vay vốn để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hoặc phát triển cây công nghiệp vẫn được xem là có mục đích lợi nhuận, và việc thụ lý các vụ án KDTM như vậy được coi là hợp lý.

Cách hiểu thứ hai cho rằng trong trường hợp hoạt động KDTM diễn ra giữa một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, dù mục đích của họ là mục đích lợi nhuận hoặc không thì các vụ tranh chấp này thuộc vào loại tranh chấp dân sự. Do đó, các vụ án liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và ngân hàng từ năm 2019 đến nay được xem là thuộc loại tranh chấp dân sự. Dưới đây là vụ án tiêu biểu mà TAND quận Hai Bà Trưng đã áp dụng theo cách hiểu này:

Vụ án 1: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Chương;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức Bình.

Năm 2013, Ngân hàng TMCP Đông Á và ông Nguyễn Hữu Chương ký kết 02 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền cho vay là 54.905.000.000 đồng, mục đích vay góp vốn kinh doanh. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Chương toà bộ số tiền vay. Đến hạn trả nợ, ông Chương không trả được khoản tiền gốc vay và lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng. Ngân hàng TMCP Đông Á khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Chương phải trả nợ các khoản tiền sau: số tiền nợ gốc của cả hai hợp đồng tín dụng là 54.905.000.000 đồng; số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 03/11/2021 là 92.575.937.084 đồng.

Ngân hàng TMCP Đông Á trình bày, khi làm thủ tục vay, ông Chương vay với danh nghĩa cá nhân, mục đích vay để góp vốn kinh doanh và kinh doanh (không có hồ sơ cụ thể về lĩnh vực kinh doanh và kinh doanh cái gì của ông Chương). Ông Chương cũng không có đăng ký kinh doanh, không đại diện cho bất kỳ pháp nhân nào để vay vốn.

Ông Chương trình bày lý do vay tiền như sau: Vào thời điểm vay vốn, ông Chương vay để mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á. Ông Chương vay với tư cách cá nhân không có đăng ký kinh doanh, mặc dù khi vay tiền ông Chương đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đức Minh Quang.

Nhận định của Toà án: Ngân hàng TMCP Đông Á khởi kiện ông Nguyễn Hữu Chương yêu cầu phải thanh toán khoản nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã giao kết. Ông Chương có địa chỉ ghi trên hợp đồng vay tiền tại số 139 - 141 phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nội dung các hợp đồng tín dụng thể hiện ông Chương vay tiền với tư cách cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự: vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.[[38]](#footnote-38)

Như vậy, trường hợp này TAND quận Hai Bà Trưng đã giải quyết áp dụng dựa trên cách hiểu thứ hai. Tuy nhiên, việc tồn tại cùng lúc nhiều cách hiểu cho một quy định pháp luật sẽ dẫn đến thiếu tính thống nhất, đồng bộ trong xét xử.

*Thứ hai, xác định người tham gia tố tụng*

Trong những năm gần đây, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã xử lý một số lượng lớn các tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng đặc biệt là việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các ngân hàng. Loại tranh chấp này thường liên quan đến nhiều bên có quyền và nghĩa vụ gây ra sự phức tạp và đòi hỏi sự xem xét cẩn thận trong việc xác định các bên tham gia tố tụng.

Đối với tranh chấp HĐTD có tài sản bảo đảm, nhiều trường hợp Toà án chỉ căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên một người vợ hoặc chồng thế chấp, nên chỉ đưa người này tham gia tố tụng mà không đưa người còn lại vào tham gia tố tụng dẫn đến những thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của họ vì liên quan đến nguồn gốc, công sức đóng góp hình thành tài sản, những thoả thuận về tài sản riêng của vợ hoặc chồng.

Có trường hợp Toà án bỏ sót thành viên hộ gia đình tham gia tố tụng, dẫn đến bản án bị huỷ, sửa. Cần phải xác định đầy đủ các thành viên có quyền về tài sản vào tham gia tố tụng nhằm xem xét, xử lý triệt để vụ án.

*Thứ ba, về việc thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ*

Tại Điều 7 BLTTDS (2015) quy định: *“Cơ quan, tổ chức, các nhân trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đứng thời hạn cho đương sự, Toà án Viện kiểm sát nhân dân tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lí khi có yêu cầu của đương sự, Toà án Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp tài liệu chứng cứ đó, trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đương sự, Toà án, Viện kiểm sát".*

Quy định này là hoàn toàn phù hợp, tuy nhiên, trong thực tế, khi Tòa án thực hiện việc thu thập tài liệu và chứng cứ, đã gặp không ít khó khăn. Nhiều cơ quan, tổ chức, và cá nhân lưu giữ chúng cứ không thực hiện đúng thời hạn yêu cầu cung cấp chứng cứ khi nhận được yêu cầu từ Tòa án hoặc Viện Kiểm sát. Tuy nhiên, pháp luật tố tung hiện hành không quy định các biện pháp chế tài cụ thể để xử lý các vi phạm này và đảm bảo thực hiện quy định về việc thu thập và cung cấp chứng cứ.

*Thứ tư, về thời hạn để giải quyết một vụ án:*

Theo Điều 203 BLTTDS 2015 quy định

*"Thời hạn chuẩn bị xét xử các loại vụ án, trừ các vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn hoặc vụ án có yếu tố nước ngoài, được quy định như sau*

*a) Đối với các vụ án quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này thì thời hạn là 04 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án,*

*b) Đối với các vụ án quy định tại Điều 30 và Điều 32 của Bộ luật này thì thời hạn là 02 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án”*

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 02 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này và không quá 01 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Quy định về thời hạn giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD trong BLTTDS 2015 được cho là quá ngắn. Tình phức tạp của nội dung một số vụ án tranh chấp HĐTD là một trong những yếu tố dẫn đến việc vụ án thường bị kéo dài quá hạn so với quy định, và điều này gây khó khăn cho Thẩm phán trong quá trình giải quyết. Trong một số trường hợp, các bên tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD không thể thực hiện việc hợp tác một cách đúng đắn. Khi được triệu tập, họ có thể không tham gia tố tụng hoặc trong rất nhiều trường hợp, đương sự có thể cố tình trốn tránh, không tiếp nhận giấy triệu tập, hoặc không còn ở tại địa phương. Đây là tình trạng phổ biến, thường gặp trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD tại TAND quận Hai Bà Trưng.

Vụ án 2:Vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy Hiếu

Năm 2019, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tin cấp thẻ tín dụng cho anh Trần Duy Hiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, hạn mức 50.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Hiếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín khởi kiện yêu cầu anh Hiếu trả nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi phát sinh.

Toà án nhận định: Bị đơn - anh Trần Duy Hiếu đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ, anh Hiếu đã đến Toà án làm bản tự khai nhưng sau đó anh Trần Duy Hiếu đã không đến để tham gia hoà giải; công khai chứng cứ và xét xử.

Về yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn: Trong quá trình xây dựng hồ sơ, cũng như tại phiên toà, Toà án đã yêu cầu phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín giao nộp biểu bảng lãi suất trần cho vay đối với thẻ tín dụng mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín đã gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước nhưng phía Ngân hàng không giao nộp.[[39]](#footnote-39)

Từ vụ án trên có thể thấy rằng, mặc dù nội dung tranh chấp HĐTD không phức tạp nhưng thời hạn giải quyết vụ án đã bị kéo dài (từ ngày 03/6/2021 đến 31/8/2022) do cả hai bên đương sự đều vi phạm nghĩa vụ tố tụng của mình. Như vậy, với các quy định hiện hành, thời gian để giải quyết một vụ án phụ thuộc rất lớn vào sự hợp tác của các bên tham gia tố tụng. Tuy nhiên, phần lớn các đương sự trong vụ án tranh chấp HĐTD, đặc biệt là bên vay khi không có khả năng trả nợ thường không chấp hành quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Bên cạnh đó, cùng một lúc Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ phải giải quyết nhiều hồ sơ vụ án khác nhau. Do đó, việc quy định thời hạn giải quyết vụ án như hiện nay là quá ngắn, chưa đồng bộ với các quy định về thủ tục khác như thủ tục niêm yết, tống đạt, quy định về việc giao nộp chứng cứ,….

*Thứ năm, về xác định nợ gốc, nợ lãi*

Đây là loại tranh chấp tiêu biểu trong tranh chấp HĐTD tại TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Thực tế, tại TAND quận Hai Bà Trưng, trong nhiều HĐTD có quy định thêm điều khoản về phạt vi phạm đối với việc quá hạn của hợp đồng ngoài việc chuyển sang nợ quá hạn. Đây là sự thoả thuận của các bên khi giao kết hợp đồng, tuy nhiên lại vi phạm nguyên tắc “chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn”.[[40]](#footnote-40)

Điều 468 BLDS năm 2015 quy định:

*“1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Uỷ ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản vay thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

*2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các TCTD năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”.* Mặt khác, theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/13/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: *“Trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”.*

Như vậy, có nhiều căn cứ áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc quá hạn này, đặt ra mối quan hệ giữa luật chung và luật chuyên ngày và giá trị pháp lý của các văn bản pháp luật. Điều này có thể dẫn đến các quan điểm giải quyết khác nhau trong cùng một vụ án.

Vụ án 3: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

- *Bị đơn: Ông Trần Văn Tân và bà Nguyễn Thị Kim Dung*

Từ ngày 06/11/2015 đến ngày 06/8/2018, ông Trần Văn Tân, bà Nguyễn Thị Kim Dung và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) ký kết 02 hợp đồng tín dụng vay số tiền lần lượt là 1.600.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua nhà và 223.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà; cùng 01 đơn yêu cầu cấp thẻ tín dụng hạn mức 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Tân và bà Dung vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi, nợ phí, nợ lãi quá hạn. Trường hợp ông Tân và bà Dung không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ , đề nghị Toà án tuyên VIB được quyền yêu cầu phát mại tài sản.

Trong đó, VIB tính lãi quá hạn theo công thức: nợ lãi quá hạn = (tổng nợ lãi trong hạn chưa thanh toán + tổng nợ quá hạn đến kỳ chưa thanh toán) x (lãi suất trong hạn x 150%/365 x số ngày quá hạn). Trong đó, nợ lãi trong hạn = gốc trong hạn còn phải thanh toán x lãi suất quá hạn.

Đại diện VKDND quận Hai Bà Trưng tham gia phiên toà có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc té Việt Nam buộc ông Trần Văn Tân, bà Nguyễn Thị Kim Dung trả số nợ gốc, tiền để tính lãi quá hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo HĐTD đã ký.

Toà án nhận định: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định về việc Xử lý việc không trả nợ đúng hạn trong hợp đồng vay tài sản. Theo đó, việc Ngân hàng VIB áp dụng nợ lãi quá hạn dựa trên nợ lãi trong hạn và gốc quá hạn là trường hợp xử lý nhiều lần đối với hành vi không trả nợ quá hạn hay còn gọi là “lãi chồng lãi”, “phạt chồng phạt” và không đúng theo quy định tại HĐTD. Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử xét thấy không đồng ý với yêu cầu về nợ lãi quá hạn theo yêu cầu của Ngân hàng.[[41]](#footnote-41)

*Thứ sáu, xử lý tài sản bảo đảm trong tranh chấp HĐTD*

Quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp HĐTD, Toà án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất của bên thế chấp. Tuy nhiên, bên thế chấp vắng mặt, không hợp tác và người đại diện của bên nhận thế chấp cũng không xác định được vị trí, mốc giới của tài sản thế chấp. Toà án đã yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai; Sở tài nguyên và môi trường là cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cung cấp thông tin về toạ độ, vị trí, nhưng các cơ quan chuyên môn không cung cấp được. Điều này gây khó khăn trong việc thẩm định tại chỗ tài sản, không thể xác định hiện trạng tài sản thế chấp, làm sai lệch kết quả thẩm định, có thể dẫn đến bản án bị huỷ, sửa.

Thực tế, có trường hợp tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất riêng của nhiều người. Trong trường hợp TCTD yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo, Toà án đã yêu cầu TCTD xác định phạm vi bảo đảm của mỗi tài sản cho vay nhưng TCTD không đưa ra phạm vi cụ thể, mà yêu cầu căn cứ vào thoả thuận đảm bảo trong toàn bộ khoản vay trong hợp đồng giải quyết. Trường hợp này, Toà án cần xác định phạm vi bảo đảm để có thể quyết định về việc giải quyết vụ án.

***2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội***

*2.3.2.1. Nguyên nhân khách quan*

*Thứ nhất,* hệ thống pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD tuy khá đầy đủ nhưng còn chồng chéo, chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện. Một trong những nguyên nhân khách quan căn bản ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án hiện nay là sự thiếu đồng bộ và chưa hoàn thiện trong hệ thống pháp luật có liên quan. Dù pháp luật về HĐTD đã được ghi nhận tương đối đầy đủ trong các văn bản như BLDS năm 2015, BLTTDS năm 2015, Luật các TCTD năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),… và các văn bản hướng dẫn thi hành, tuy nhiên, trên thực tế các quy định còn tồn tại sự chồng chéo, mâu thuẫn và thiếu rõ ràng về cơ chế áp dụng. Ví dụ, một số quy định về điều kiện giao kết và thực hiện HĐTD trong Luật các TCTD chưa thực sự tương thích với các nguyên tắc giao kết hợp đồng theo BLDS năm 2015. Cụ thể:

\* Về điều kiện giao kết: Luật các TCTD quy định chặt chẽ về hồ sơ, phương án sử dụng vốn, khả năng trả nợ và tài sản bảo đảm (Điều 94 Luật các TCTD), trong khi BLDS 2015 chỉ yêu cầu các bên có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận và nội dung hợp đồng không trái pháp luật (Điều 117). Điều này dẫn đến tình huống một cá nhân đủ điều kiện theo BLDS nhưng vẫn bị từ chối vay vốn do không đáp ứng điều kiện của Luật các TCTD.

\* Về nguyên tắc giao kết: Luật các TCTD đặt nặng yếu tố kiểm soát rủi ro, buộc tuân thủ quy trình tín dụng nghiêm ngặt, trong khi BLDS 2015 đề cao quyền tự do thỏa thuận (Điều 3, Điều 117). Trong thực tế, nhiều ngân hàng áp dụng hợp đồng mẫu cố định và không cho phép chỉnh sửa điều khoản, làm hạn chế quyền tự do đàm phán mà BLDS bảo đảm. • Về thủ tục thực hiện: Luật các TCTD yêu cầu giải ngân đúng mục đích vay đã được phê duyệt và việc thay đổi mục đích phải được chấp thuận bằng văn bản của tổ chức tín dụng, trong khi BLDS không quy định chi tiết nội dung này. Điều này gây khó khăn khi bên vay muốn điều chỉnh mục đích sử dụng vốn hợp pháp nhưng không đáp ứng thủ tục khắt khe của Luật các TCTD. Sự khác biệt trong tinh thần lập pháp giữa hai hệ thống quy định này khiến các Thẩm phán khi xét xử thường gặp khó khăn trong việc xác định quy phạm ưu tiên áp dụng, đặc biệt khi quyền tự do giao kết hợp đồng theo BLDS xung đột với quy định chặt chẽ của Luật các TCTD.

Ngoài ra, giữa các cơ quan tư pháp, cơ quan tiến hành tố tụng (TAND, VKSND, cơ quan thi hành án và các cơ quan chuyên ngành khác) có sự thiếu thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật giải quyết, gia tăng tranh cãi về thẩm quyền và nội dung giải quyết vụ án. Việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất cũng làm cho các bên tham gia tố tụng suy giảm niềm tin vào kết quả giải quyết của Toà án, từ đó làm gia tăng số lượng đơn kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, đặc biệt là trong những tranh chấp HĐTD có giá trị lớn. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ án tín dụng tuy đã được xét xử ở cáp sơ thẩm, song vẫn bị huỷ, sửa ở giai đoạn xét xử cấp trên do vi phạm về áp dụng pháp luật nội dung hoặc hình thức. Đây là biểu hiện rõ rệt cho sự thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật và quy trình tư pháp hiện nay.

*Thứ hai, sự hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xét xử và quả lý hồ sơ vụ án.* Hệ thống ngành Toà án nói chung và Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng nói riêng đã và đang có nhiều nỗ lực trong việc đưa công nghệ thông tin vào quá trình giải quyết vụ án như triển khai phần mềm quản lý Toà án, phần mềm trợ lý ảo Toà án, áp dụng phòng xét xử trực tuyến,... nhưng hiệu quả vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu đến từ năng lực hạ tầng công nghệ còn yếu, phần mềm chưa hoàn thiện, thiếu tính liên thông và tích hợp thông tin liên ngành.

Các phầm mềm hiện hành chủ yếu phục vụ mục đích quản lý hành chính, theo dõi tiến độ giải quyết vụ án và thống kê, trong khi chưa đủ khả năng hỗ trợ Thẩm phán trong nghiên cứu hồ sơ, phân tích tình huống pháp lý để phát hiện mâu thuẫn pháp lý, gợi ý phương án giải quyết hoặc so sánh với các án lệ tương tự. Điều này khiến cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết vụ án mới chỉ dừng ở mức sơ khai, chưa phát huy được vai trò trợ lý tư pháp trong nền tư pháp hiện đại.

Hơn nữa, công tác đào tạo và cập nhật kỹ năng công nghệ cho đội ngũ tư pháp còn chưa đồng đều, nhiều Thẩm phán, Thư ký còn lúng túng trong thao tác phần mềm, sử dụng hạn chế các tiện ích số, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết vụ án. Trong bối cảnh ngành Toà án đang đặt mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Toà án điện tử, Toà án thông minh thì đây phải được coi là điểm nghẽn cần được giải quyết bằng chính sách đầu tư công nghệ, nhân sự và đào tạo phù hợp.

*Thứ ba,* tình hình kinh tế - chính trị trong và ngoài nước liên tục có sự biên chuyển dẫn đến những thay đổi đa dạng trong quan hệ HDDTD vốn đã phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong giai đoạn hậu đại dịch Covid 19, nền kinh tế thế giới và Việt Nam chịu nhiều biến động lớn: khủng hoảng chuỗi cung ứng, biến động tỷ giá, lạm phát, lãi suất tăng cao và rủi ro thanh khoản ngân hàng. Quận Hai Bà Trưng không nằm ngoài sức bao phủ của các biến động đó. Những yếu tố này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động cho vay, đầu tư và khả năng trả nợ của người dân, doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, nhiều tranh chấp HĐTD phát sinh từ việc bên vay mất khả năng thanh toán do biến động kinh tế (phá sản, thu hẹp sản xuất, mất thị trường,…), trong khi đó, bên cho vay (TCTD) cũng rơi vào thế bị động vì đã giải ngân nhưng không thể thu hồi nợ, không xử lý được tài sản bảo đảm, hoặc bị kéo dài thời gian xét xử.

Bên cạnh đó, sự đa dạng và phức tạp trong mô hình HĐTD hiện nay cũng làm phát sinh nhiều tình huống pháp lý chưa từng có trong tiền lệ. Toà án khi giải quyết các tranh chấp này phải đối mặt với tình trạng thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, thiếu án lệ hướng dẫn và khó đánh giá bản chất giao dịch dưới góc độ pháp luật hiện hành.

Một số HĐTD do không được công chứng, chứng thực hoặc không thông qua hệ thống ngân hàng truyền thống, khiến việc xác định pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các bên gặp nhiều trở ngại. Ngoài ra, tài sản bảo đảm thường là bất động sản không rõ nguồn gốc, cũng làm cho việc định giá, xử lý sau bản án gặp khó khăn. Những yếu tố này làm tăng nguy cơ rủi ro pháp lý, kéo dài thười gian giải quyết và thi hành án.

*2.3.2.1. Nguyên nhân chủ quan*

*Thứ nhất,* đội ngũ cán bộ Toà án còn hạn chế về nhân sự - cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong bối cảnh số lượng vụ án ngày càng ra tăng, đặc biệt là những vụ án tranh chấp dân sự, kinh tế có tính chất phức tạp, việc đội ngũ các bộ Toà án không được tăng cường tương ứng đã dẫn đến tình trạn quá tải trong công việc, ảnh hưởng trực tiếp đến thời hạn và chất lượng giải quyết.

Trung bình, mỗi Thẩm phán TAND quận Hai Bà Trưn giải quyết hàng trăm vụ việc mỗi năm, bao gồm cả án dân sự, hình sự, kinh doanh thương mại, hôn nhân gia đình, hành chính, lao động. Trong khi đó, một số Thẩm phán đến tuổi nghỉ hưu, hoặc đang trong quá trình luân chuyển công tác, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực đột ngột. Việc tiếp nhận các cán bộ mới cần thười gian làm quen, trau dồi kỹ năng xét xử và tích luỹ kinh nghiệm thực tiễn. Mặt khác, phân công vụ án cho Thẩm phán không chuyên sâu hoặc chưa am hiểu lĩnh vực tín dụng có thể khiến việc đánh giá chứng cứ, diễn giải điều khoản hợp đồng hoặc xác định trách nhiệm các bên không đạt hiệu quả cao, dễ phát sinh kháng cáo, kháng nghị.

Chất lượng đội ngũ cán bộ hành chính tư pháp, thư ký cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết án. Sự thiếu hụt hoặc luân chuyển liên tục cán bộ làm gián đoạn quá trình lưu trữ, tống đạt, thống kê án và chuẩn bị phiên toà. Việc phối hợp nội bộ hiệu quả giữa các bộ phận chuyên môn, thiếu sự hỗ trợ về kỹ thuật nghiệp vụ cũng gây áp lực lên Thẩm phán, buộc họ phải tự thực hiện nhiều công đoạn hành chính phụ trợ, làm giảm thời gian nghiên cứu và soạn thảo bản án.

*Thứ hai,* sự hạn chế về hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ quy định tố tụng của các bên đương sự. Đối với bên cho vay, nhiều trường hợp bên cho vay chưa nắm rõ các quy định pháp luật về lãi suất, thẩm định tài sản thế chấp,….hoặc vì lý do khách quan, chủ quan khác mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định pháp luật về việc thẩm định, định giá tài sản trước khi nhận thế chấp, áp dụng mức lãi suất không đúng với quy định pháp luật,... Quá trình giải quyết vụ án, do thiếu hiểu biết về pháp luật hoặc ý thức chấp hành pháp luật còn yếu kém, các bên tham gia tố tụng thường vi phạm nghĩa vụ tố tụng như không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Toà án,….gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

*Thứ ba,* hoạt động giải quyết tranh chấp HĐTD không chỉ là nhiệm vụ riêng của Toà án mà còn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ từ nhiều cơ quan khác nhau như VKSND, Cơ quan thi hành án, Ngân hàng Nhà nước, tổ chức định giá,… Tuy nhiên, trong thực tiễn, sự phối hợp này đôi khi còn thiếu tính chủ động, chậm chễ hoặc không nhất quán trong thực thi nhiệm vụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án thường gửi công văn các cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc giải quyết vụ án, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự. Tuy nhiên, thời gian phản hồi chậm, nội dung không đầy đủ hoặc thiếu chính xác khiến Thẩm phán không có đủ căn cứ để xác định tình tiết vụ án. Việc xác minh tài sản bảo đảm (bất động sản, xe máy, ô tô, máy móc, cổ phiếu,…) phụ thuộc vào cơ quan quản lý đất đai, đăng kierm hoặc ngân hàng lưu ký, nhưng các cơ quan này đôi khi chưa thực sự hợp tác hoặc thiếu cơ chế điện tử liên thông. Thực trạng này làm ảnh hưởng đến tính khách quan và toàn diện phán quyết, làm mất thười gian đáng kể cho việc xử lý một vụ án vốn đã phức tạp.

Bên cạnh đó, sự thiếu kết nối giữa Toà án và các cơ quan khác cũng làm chậm quá trình tra cứu thông tin về đương sự, tài sản, lịch sử giao dịch hoặc tình trạng thi hành án. Trong khi xu thế xét xử hiện đại đòi hỏi hệ thống tư pháp phải chuyển đổi số toàn diện, kết nối dữ liệu đa ngành để xử lý vụ án nhanh chóng, thì việc vận hành còn rời rạc, thủ công, thiếu đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị là nguyên nhân khách quan ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả xét xử.

**Tiểu kết chương 2**

Các quy định pháp luật liên quan đến thủ tục giải quyết vụ án dân sự nói chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng (HĐTD) nói riêng tại Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện đã được Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định tương đối đầy đủ và ngày càng được hoàn thiện. So với các giai đoạn pháp luật trước đây, hệ thống quy định hiện hành có tính đồng bộ và chi tiết hơn, góp phần nâng cao tính khả thi trong áp dụng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giải quyết tranh chấp, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu vay vốn và giao dịch tín dụng ngày càng tăng mạnh, kéo theo nguy cơ phát sinh tranh chấp ngày một phức tạp. Tuy nhiên, qua phân tích và đối chiếu với thực tiễn áp dụng pháp luật tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng cho thấy, vẫn còn tồn tại những bất cập, hạn chế nhất định. Một số quy định pháp luật chưa đủ cụ thể, rõ ràng hoặc còn mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác, dẫn đến khó khăn cho thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong việc lựa chọn quy phạm để áp dụng. Bên cạnh đó, một số vấn đề về thời hạn tố tụng, trình tự thu thập và đánh giá chứng cứ, cũng như việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong tranh chấp HĐTD vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để. Những hạn chế này ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả giải quyết vụ án, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm giảm niềm tin của các chủ thể tham gia quan hệ tín dụng vào cơ chế bảo vệ pháp lý của Tòa án. Kết quả nghiên cứu ở Chương 2 đã phản ánh khá toàn diện thực trạng giải quyết tranh chấp HĐTD tại TAND quận Hai Bà Trưng. Đề án đã chỉ ra những thành tựu đạt được, như việc nâng cao chất lượng xét xử và áp dụng công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý hồ sơ vụ án, song đồng thời cũng nhận diện rõ những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để Chương 3 đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD, nhằm hướng tới một cơ chế tố tụng minh bạch, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới.

**CHƯƠNG 3**

**ĐỊNH HƯỚNG, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN**

**QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

## 3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân

Để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và bảo đảm hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trong bối cảnh kinh tế - xã hội ngày càng phát triển năng động và phức tạp, các tranh chấp HĐTD diễn ra ngày càng phổ biến với tính chất đa dạng, giá trị lớn và tác động rộng, pháp luật cần được hoàn thiện theo nhiều định hướng cụ thể và toàn diện, đồng bộ, kết hợp giữa nội dung và hình thức và cơ chế thực thi. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu ở Chương 1 và Chương 2, đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD như sau:

*Thứ nhất, pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD phải đảm bảo phù hợp với quan điểm của Đảng trong xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật.*

Vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong việc xây dựng phấp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật rất to lớn. Quan điểm của Đảng đã khẳng định rõ yêu cầu “tăng cường pháp chế xã hội chũ nghĩa”, “quản lý kinh tế - xã hội bằng pháp luật”, đồng thời nhấn mạnh vai trò trung tâm của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, trong đó có quan hệ tín dụng. Các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều nhấn mạnh đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật tín dụng ngân hàng và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD phải phản ánh và thể hiện được rõ nét vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, trong đó hoạt động của các cơ quan tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng đông thời phải tuân thủ nghiêm minh pháp luật, đảm bảo công bằng, khách quan và minh bạch. Cần thiết xây dựng những quy định pháp luật thống nhất, rõ ràng, loại bỏ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng pháp luật.

Hơn nữa, định hướng hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD cũng cần đặt trong tổng thể chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng của Đảng. Điều này đòi hỏi pháp luật không chỉ xử lý các tranh chấp một cách công bằng mà còn góp phần giữ vững kỷ cương, trật tự trong hoạt động tín dụng, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho TCTD và khách hàng tín dụng yên tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đây cũng là giải pháp nhằm phòng ngừa rủi ro pháp lý và nâng cao chất lượng tín dụng, góp phần ổn định thị trường tài chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

*Thứ hai, pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD phải hướng đến mục tiêu ổn định quan hệ dân sự và thúc đẩy sự phát triển xã hội.*

Quan hệ tín dụng về bản chất pháp lý là quan hệ dân sự đặc thù có yếu tố thương mại, có vai trò thiết yếu trong việc vận hành hệ thống tài chính, bảo đảm lưu thông nguồn vốn và duy trì sự ổn định của thị trường. Do đó, việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp phát sinh từ HĐTD không chỉ là yêu cầu bắt buộc nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mà còn là công cụ quan trọng để tực thi pháp chế, đảm bảo niềm tin vào hệ thống pháp luật và trật tự pháp lý đời sống.

Thực tiễn, tranh chấp HĐTD phát sinh ngày càng đa dạng và phức tạp, không chỉ mang tính dân sự đơn thuần mà còn gắn liền với các rủi ro tài chính, tác động dây chuyền đến sự vận hành của các TCTD và niềm tin của thị trường. Nếu không được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật và hiệu quả, các tranh chấp có thể dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng như phá sản doanh nghiệp, đổ vỡ quan hệ tài chính, giă tăng nợ xấu và làm suy giảm hiệu lực thực thi pháp luật trong thực tiễn. Do đó, yêu cầu ổn định tín dụng cần được đặt lên hàng đầu trong định hướng hoàn thiện pháp luật.

Xuất phát từ yêu cầu ổn định quan hệ dân sự - tín dụng, pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng xây dựng một cơ chế giải quyết tranh chấp đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch, công bằng và có khả năng dự báo cao. Trước hết pháp luật cần dược xác lập đầy đủ, chặt chẽ các nguyên tắc cơ bản trong việc giải thích hợp đồng, phân chia nghĩa vụ và trách nhiệm nghĩa vụ giữa các bên, xử lý vi phạm, bồi thường thiệt hại, xác định hậu quả pháp lý của các điều khoản không rõ ràng, vô hiệu hoặc vi phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD cần hướng đến việc kiến tạo một môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là trong việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý của các chủ thể vay vốn, bao gồm cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các thủ tục tố tụng cần được cải cách theo hướng tinh gọn, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, tăng cường khả năng áp dụng hình thức hòa giải, đối thoại. Đồng thời, nâng cao hiệu lực thi hành bản án, quyết định của Tòa án, tránh tình trạng bản án/ quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng không thể thi hành trên thực tế.

*Thứ ba, hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD phải đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.*

Nguyên tắc này không chỉ phản ánh tinh thần của pháp luật dân sự hiện hành là lấy quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các chủ thể làm trung tâm điều chỉnh mà còn phù hợp với mục tiêu bảo vệ công lý, củng cố niềm tin vào hệ thống tư pháp và thúc đẩy trật tự pháp lý trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu hoàn thiện pháp luật cần đặt mục tiêu bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong tranh chấp hợp đồng tín dụng, thể hiện trên cả hai phương diện: nội dung quy phạm và cơ chế giải quyết. Trên phương diện nội dung, pháp luật cần quy định rõ ràng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của các bên trong từng giai đoạn của hợp đồng tín dụng từ đàm phán, ký kết đến thực hiện và chấm dứt hợp đồng, đồng thời có cơ chế phân định trách nhiệm pháp lý cụ thể khi xảy ra vi phạm. Các quy định về lãi suất, phí, xử lý tài sản bảo đảm, thời hiệu khởi kiện, các tình tiết giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm cũng cần được chuẩn hóa và hướng dẫn áp dụng thống nhất nhằm tránh cách hiểu tùy tiện trong thực tiễn.

Ngoài nội dung quy phạm, một hệ thống pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng đòi hỏi phải có cơ chế tố tụng hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc tiếp cận công lý và xét xử công bằng. Việc hoàn thiện thủ tục tố tụng trong các tranh chấp tín dụng cần được triển khai đồng bộ trên cả phương diện lập pháp và hành pháp, trong đó nhấn mạnh việc bảo vệ quyền được xét xử trong thời hạn hợp lý, quyền được trình bày, phản biện và cung cấp chứng cứ của đương sự.

Bên cạnh mô hình tố tụng truyền thống tại Tòa án nhân dân, việc tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng, đặc biệt là trọng tài thương mại và hòa giải thương mại, cần được khuyến khích như một phương thức bảo vệ quyền lợi có hiệu quả, giảm thiểu áp lực cho hệ thống tư pháp và phù hợp với đặc điểm linh hoạt của hoạt động tín dụng.

Để bảo đảm hiệu lực thực tiễn của việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, pháp luật cần chú trọng tới khả năng thi hành bản án, quyết định có hiệu lực. Hiện nay, nhiều tranh chấp tín dụng sau khi có phán quyết vẫn gặp khó khăn trong quá trình thi hành do vướng mắc về định giá tài sản bảo đảm, xung đột quyền ưu tiên, hoặc sự thiếu minh bạch trong thủ tục cưỡng chế.

Điều này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải được hoàn thiện toàn diện, từ khâu xác lập nghĩa vụ, đến cơ chế cưỡng chế thi hành, nhằm bảo đảm rằng các quyền được xác lập bởi bản án có thể được hiện thực hóa trên thực tế. Cùng với đó, pháp luật cần mở rộng khả năng bảo vệ lợi ích hợp pháp thông qua việc thiết lập các tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động tín dụng, chống lại các hành vi lợi dụng hợp đồng, che giấu rủi ro hoặc tạo ra bất công trong phân bổ nghĩa vụ hợp đồng. Các thiết chế giám sát như Kiểm sát nhân dân, Thanh tra tư pháp, Cơ quan thanh tra ngân hàng cần được trao thêm thẩm quyền hoặc có cơ chế phối hợp hiệu quả hơn nhằm ngăn ngừa xâm phạm quyền lợi của bên đi vay và đảm bảo tính minh bạch của quá trình xử lý tranh chấp.

## 3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân

### *3.2.1. Khắc phục hạn chế xác định sai quan hệ tranh chấp*

Việc xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là khâu đầu tiên, có ý nghĩa quyết định đến hiệu lực toàn bộ quá trình giải quyết vụ án dân sự. Trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng, do tính chất pháp lý phức tạp và đan xen của các quan hệ vay vốn, bảo đảm, bảo lãnh, xử lý tài sản, cũng như có sự tham gia của nhiều chủ thể với tư cách khác nhau (bên cho vay, bên vay, bên thứ ba bảo đảm…), việc xác định sai hoặc không chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp là một hiện tượng phổ biến, gây ra nhiều hệ quả tiêu cực trong thực tiễn xét xử. Tình trạng này dẫn đến việc áp dụng sai thẩm quyền, sai căn cứ pháp lý, vi phạm trình tự tố tụng, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án hoặc dẫn đến việc hủy án, sửa án ở cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm. Để khắc phục triệt để vấn đề này, cần thiết phải có những kiến nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật trên các phương diện lập pháp, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức thực hiện và ứng dụng công nghệ.

*Thứ nhất, bổ sung quy định cụ thể về nguyên tắc và tiêu chí xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong Bộ luật Tố tụng dân sự BLTTDS năm 2015 hiện hành chưa có quy định cụ thể về phương pháp, nguyên tắc hoặc tiêu chí để xác định đúng loại quan hệ pháp luật trong đơn khởi kiện.*

Trên thực tế, nhiều Thẩm phán vẫn chủ yếu căn cứ vào cách đặt tên yêu cầu khởi kiện hoặc lời trình bày của đương sự, mà chưa đi sâu phân tích bản chất pháp lý của giao dịch phát sinh tranh chấp. Để khắc phục tình trạng này, kiến nghị bổ sung khoản mới sau khoản 1 Điều 192 như sau: *“1a. Trước khi thụ lý vụ án, Tòa án có trách nhiệm xác minh, phân tích nội dung yêu cầu khởi kiện, tài liệu kèm theo và các tình tiết khách quan để xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định này phải căn cứ vào bản chất pháp lý của giao dịch hoặc hành vi dân sự phát sinh tranh chấp, không phụ thuộc vào hình thức trình bày hoặc cách đặt tên của đương sự.”* Quy định này không chỉ tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho Thẩm phán khi đánh giá hồ sơ khởi kiện, mà còn khắc phục tình trạng máy móc trong việc phân loại quan hệ pháp luật, giúp nâng cao hiệu quả công tác thụ lý, tránh kéo dài thời gian tố tụng do xác định sai loại việc dân sự.

*Thứ hai, phân loại chi tiết các dạng tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng trong hệ thống pháp luật.*

Trong phần quy định về thẩm quyền và phân loại việc dân sự (Chương III, BLTTDS năm 2015), cần thiết bổ sung một điều khoản hoặc tiểu mục liệt kê rõ các dạng tranh chấp phát sinh từ hoạt động tín dụng, bao gồm: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và cá nhân, tổ chức vay vốn; Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Tranh chấp về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tín dụng (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh); Tranh chấp liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm; Tranh chấp phát sinh từ việc chuyển nhượng khoản nợ tín dụng, bao gồm cả tranh chấp với bên nhận nợ.*

Việc phân loại chi tiết như trên sẽ tạo điều kiện cho Tòa án xác định chính xác loại tranh chấp ngay từ giai đoạn tiền tố tụng, qua đó tránh nhầm lẫn với các dạng tranh chấp dân sự hoặc thương mại thuần túy, hoặc sai sót trong xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên.

*Thứ ba, ban hành hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất từ Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.*

Thực tiễn cho thấy, các tranh chấp tín dụng thường có tính chất pháp lý phức tạp, có thể vừa mang yếu tố dân sự, vừa có yếu tố thương mại, thậm chí trong một số trường hợp có dấu hiệu hình sự (như gian lận, lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Do chưa có hướng dẫn cụ thể từ Tòa án nhân dân tối cao, nhiều Tòa sơ thẩm xác định sai bản chất tranh chấp, dẫn đến kết quả xét xử bị sửa hoặc hủy ở cấp giám đốc thẩm. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán TANDTC ban hành Nghị quyết chuyên đề hướng dẫn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng, với nội dung: “*Tiêu chí nhận diện tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng; Phân biệt giữa tranh chấp hợp đồng tín dụng với hợp đồng vay dân sự thông thường; Phân biệt nghĩa vụ chính và nghĩa vụ bảo đảm trong cùng một vụ việc; Hướng dẫn xác định quan hệ tranh chấp khi có yếu tố vi phạm pháp luật hình sự hoặc dấu hiệu tín dụng đen.*” Nghị quyết cần đi kèm các ví dụ thực tiễn, bản án mẫu hoặc án lệ minh họa để tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án các cấp vận dụng thống nhất.

### *3.2.2. Khắc phục hạn chế xác định thiếu người tham gia tố tụng*

Việc xác định đầy đủ, chính xác người tham gia tố tụng là một trong những yêu cầu cơ bản để đảm bảo quá trình giải quyết vụ án dân sự nói chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng được thực hiện đúng pháp luật, công bằng, hiệu quả. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp hiện nay cho thấy, trong nhiều vụ án tín dụng - ngân hàng, Tòa án thường xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hệ quả là bản án bị kháng cáo, kháng nghị, thậm chí bị sửa hoặc hủy ở cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, yêu cầu đặt ra là cần có những sửa đổi, bổ sung cụ thể trong pháp luật tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn liên quan, nhằm khắc phục triệt để tình trạng xác định thiếu người tham gia tố tụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

*Thứ nhất, bổ sung quy định tại BLTTDS năm 2015 về trách nhiệm xác định đầy đủ người tham gia tố tụng.*

Theo quy định hiện hành tại Điều 68 và Điều 70 BLTTDS năm 2015, người tham gia tố tụng bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, các quy định này mới dừng lại ở việc xác định tư cách của các chủ thể, chưa quy định rõ về trách nhiệm chủ động của Tòa án trong việc xác minh, phát hiện các chủ thể cần thiết khác tham gia tố tụng - đặc biệt là trong các vụ án tín dụng có nhiều quan hệ bảo đảm, đồng sở hữu, thừa kế hoặc chuyển nhượng nghĩa vụ. Để khắc phục, cần sửa đổi, bổ sung khoản mới vào Điều 68 như sau: *“Khoản 3 (mới): Trong quá trình xem xét đơn khởi kiện, Thẩm phán có trách nhiệm kiểm tra, xác minh các tài liệu, chứng cứ kèm theo và nội dung tranh chấp để xác định đầy đủ các chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trường hợp phát hiện còn thiếu người cần thiết tham gia tố tụng, Tòa án phải yêu cầu bổ sung hoặc tự mình đưa họ vào tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật này.”*

Bên cạnh đó, Điều 266 BLTTDS cũng cần bổ sung nội dung về hậu quả pháp lý của việc thiếu người tham gia tố tụng và cơ chế khắc phục: *“Khoản 3 (mới): Trường hợp phát hiện còn thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, Tòa án phải tạm ngừng phiên tòa và thực hiện các biện pháp cần thiết để triệu tập bổ sung. Việc tiếp tục xét xử mà không có sự tham gia của những chủ thể cần thiết sẽ bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.”*

Những sửa đổi này là cần thiết nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của Tòa án, không chỉ thụ động dựa vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, mà phải chủ động trong xác minh, đánh giá đầy đủ các bên liên quan đến quan hệ tranh chấp tín dụng.

*Thứ hai, ban hành hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất từ Hội đồng Thẩm phán TANDTC.*

Để đảm bảo thống nhất trong thực tiễn áp dụng, cần thiết ban hành hướng dẫn nghiệp vụ hoặc án lệ về cách xác định người tham gia tố tụng trong các vụ án tín dụng - ngân hàng. Nội dung hướng dẫn cần bao gồm: *“ Cách xác định tư cách tố tụng của bên bảo lãnh, người thế chấp tài sản, người đồng sở hữu tài sản bảo đảm; Hướng dẫn xử lý tình huống bên bảo đảm đã chết, chuyển giao nghĩa vụ cho người thừa kế; Cách xác định người đại diện hợp pháp cho doanh nghiệp phá sản hoặc giải thể; Phân biệt rõ người có quyền lợi liên quan (cần triệu tập) và người làm chứng (không bắt buộc tham gia phiên tòa)”.* Hướng dẫn này có thể được ban hành dưới dạng Nghị quyết hoặc văn bản nghiệp vụ, có giá trị tham khảo bắt buộc trong hệ thống Tòa án nhân dân, góp phần giảm thiểu tình trạng thiếu sót trong việc xác định đương sự.

### *3.2.3. Khắc phục hạn chế trong việc thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ*

Việc thu thập và đánh giá tài liệu, chứng cứ là khâu trọng yếu trong quy trình giải quyết tranh chấp dân sự tại Tòa án. Thực tiễn tố tụng cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều bất cập trong việc xác định nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, cơ chế hỗ trợ thu thập chứng cứ, phương pháp đánh giá chứng cứ, đặc biệt là các tài liệu do tổ chức tín dụng lập ra hoặc do bên thứ ba nắm giữ. Để khắc phục tình trạng này, cần có những sửa đổi, bổ sung cụ thể về mặt lập pháp, đồng thời tăng cường các hướng dẫn nghiệp vụ. Dưới đây là các kiến nghị cụ thể.

*Thứ nhất,* sửa đổi, bổ sung Điều 91 BLTTDS về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành quy định đương sự có nghĩa vụ chứng minh nhưng chưa làm rõ nghĩa vụ hợp tác cung cấp chứng cứ trong điều kiện đặc thù như bên cung cấp là ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba. Đề xuất bổ sung khoản 3 và khoản 4 vào Điều 91 như sau:

*“3. Trường hợp đương sự không thể tiếp cận hoặc thu thập được chứng cứ do trở ngại khách quan, hoặc do chứng cứ nằm trong quyền kiểm soát của bên thứ ba, thì Tòa án có trách nhiệm chủ động tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 và Điều 106 của Bộ luật này.*

*4. Tổ chức tín dụng, cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức có liên quan có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Việc từ chối cung cấp phải được nêu rõ lý do, căn cứ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của lý do từ chối.”*

Bổ sung này làm rõ vai trò chủ động của Tòa án và trách nhiệm hợp tác của các tổ chức tín dụng – chủ thể đặc thù trong các vụ án tín dụng.

*Thứ hai,* bổ sung Điều 91a mới – về thời điểm và hệ quả pháp lý của việc cung cấp chứng cứ muộn.

Thực tế cho thấy nhiều đương sự, đặc biệt là tổ chức tín dụng, cung cấp tài liệu, chứng cứ quá muộn, làm ảnh hưởng đến quyền chuẩn bị của bên kia và kéo dài tiến độ tố tụng. Đề xuất bổ sung Điều 91a như sau:

*“Điều 91a. Thời điểm cung cấp chứng cứ và hậu quả pháp lý:*

*1. Đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cùng với đơn khởi kiện hoặc trong quá trình chuẩn bị xét xử.*

*2. Trường hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng, Tòa án có thể từ chối tiếp nhận, trừ trường hợp chứng cứ đó có ý nghĩa quyết định đối với việc giải quyết vụ án.”*

*Thứ ba,* sửa đổi, bổ sung Điều 93 BLTTDS về tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức lập.

Hiện nay, Điều 93 chưa phân biệt rõ giá trị chứng minh của tài liệu do tổ chức tín dụng lập, đặc biệt là các bảng tính nợ, lãi, biểu phí, sao kê nội bộ,… vốn có thể phát sinh tranh chấp. Đề xuất bổ sung khoản 3 như sau: *“3. Đối với các tài liệu do tổ chức tín dụng lập trong quá trình hoạt động nghiệp vụ như bảng kê nợ, lịch sử giao dịch, biểu phí, bản tính lãi suất, việc xác định giá trị chứng minh phải dựa trên: (a) tính hợp pháp về nguồn gốc tài liệu; (b) phương pháp xác lập rõ ràng, minh bạch; (c) sự thống nhất với các tài liệu khác có liên quan; và (d) quyền phản biện của bên còn lại.”*

*Thứ tư,* sửa đổi Điều 95 BLTTDS về chứng cứ điện tử.

Trong nhiều vụ án tín dụng hiện nay, giao dịch qua hệ thống ngân hàng điện tử, email, phần mềm nghiệp vụ nội bộ được xem là chứng cứ. Tuy nhiên, BLTTDS hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn đánh giá giá trị pháp lý của các loại chứng cứ này. Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 95 như sau: *“1. Chứng cứ điện tử là dữ liệu được tạo lập, lưu trữ hoặc truyền đi bằng phương tiện điện tử. Để có giá trị pháp lý, chứng cứ điện tử phải được xác minh về nguồn gốc, tính toàn vẹn và tính xác thực bằng các phương thức như: chữ ký số, xác thực từ tổ chức tín dụng, sao lưu từ hệ thống nội bộ hoặc bản đối chiếu có xác nhận của bên thứ ba.”*

*Thứ năm,* bổ sung khoản mới vào Điều 106 BLTTDS về chế tài đối với tổ chức, cá nhân không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Để tăng tính răn đe và đảm bảo hiệu quả hoạt động thu thập chứng cứ của Tòa án. Đề xuất bổ sung khoản 3 như sau:

*“3. Trường hợp tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp chứng cứ mà cố tình không thực hiện, Tòa án có quyền kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan thanh tra, giám sát chuyên ngành xử lý theo quy định pháp luật.”*

*Thứ sáu,* ban hành hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất về đánh giá chứng cứ trong tranh chấp tín dụng.

Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần ban hành hướng dẫn hoặc nghị quyết liên quan đến: *“Cách đánh giá chứng từ nội bộ của ngân hàng; Giá trị pháp lý của sao kê tài khoản, biểu tính lãi; Phân biệt giữa “tài liệu nghiệp vụ” và “chứng cứ buộc tội” trong tranh chấp; Phân tích giá trị của lời thừa nhận một phần nghĩa vụ nợ và hiệu lực chứng minh của thông tin giao dịch điện tử”.*

### *3.2.4. Khắc phục hạn chế trong thời hạn để giải quyết một vụ án*

Trên cơ sở phân tích thực trạng và nguyên nhân của tình trạng kéo dài thời hạn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, có thể thấy rõ yêu cầu cấp thiết cần sửa đổi, bổ sung pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực thực thi, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với đặc thù của loại tranh chấp này. Các đề xuất cụ thể bao gồm:

*Thứ nhất,* sửa đổi Điều 203 BLTTDS năm 2015 theo hướng phân loại thời hạn giải quyết theo tính chất vụ án. Hiện nay, Điều 203 quy định một khung thời gian chung cho mọi vụ án dân sự, không phân biệt mức độ phức tạp hay đặc điểm chuyên biệt. Điều này là không phù hợp với tranh chấp tín dụng - loại tranh chấp mà tài liệu chứng cứ thường rõ ràng, cụ thể và dễ kiểm chứng. Đề xuất sửa đổi: Bổ sung vào Điều 203 một khoản mới như sau: *“Đối với vụ án có đối tượng tranh chấp là hợp đồng tín dụng, nếu các tài liệu, chứng cứ đã đầy đủ, rõ ràng và không có yêu cầu giám định, đối chất, Tòa án có thể áp dụng thời hạn chuẩn bị xét xử là 02 tháng. Trường hợp phức tạp hoặc cần xác minh bổ sung thì thời hạn tối đa là 04 tháng và chỉ được gia hạn một lần không quá 01 tháng.”* Sửa đổi này cho phép Tòa án chủ động phân loại vụ án để áp dụng thời hạn phù hợp, tránh kéo dài không cần thiết trong những vụ việc đơn giản.

*Thứ hai,* bổ sung quy định về trách nhiệm cá nhân của người tiến hành tố tụng khi để vụ án quá thời hạn không có lý do chính đáng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến kéo dài giải quyết vụ án là thiếu chế tài xử lý trách nhiệm của thẩm phán, thư ký.

Đề xuất bổ sung vào Điều 14 hoặc Điều 203 BLTTDS: *“Người tiến hành tố tụng để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử hoặc quá thời hạn xét xử mà không có lý do chính đáng thì tùy mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm hành chính, công vụ hoặc bị điều chuyển vị trí công tác.”* Quy định này có tác dụng răn đe và tăng cường trách nhiệm cá nhân, tạo cơ chế kiểm soát nội bộ hiệu quả trong hệ thống Tòa án.

*Thứ ba,* đề xuất bổ sung điều luật mới: Cơ chế rút gọn thủ tục xét xử tranh chấp tín dụng. Nhiều tranh chấp tín dụng có nội dung đơn giản, không có tranh chấp về sự kiện hoặc pháp lý, hoàn toàn có thể xét xử theo thủ tục rút gọn. Kiến nghị bổ sung một điều mới sau Điều 317 (ví dụ: Điều 317a): *“Đối với vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng mà nội dung tranh chấp chỉ liên quan đến việc xác định nghĩa vụ trả nợ, không có tranh chấp về hợp đồng, không yêu cầu giám định hoặc đối chất, các bên không phản đối chứng cứ, Tòa án có thể xét xử theo thủ tục rút gọn trong thời hạn 30 ngày kể từ khi thụ lý.”* Tăng cường hiệu quả xử lý đối với những vụ việc rõ ràng, giảm tải cho hệ thống tư pháp mà vẫn đảm bảo quyền lợi đương sự.

### *3.2.5. Khắc phục hạn chế về xác định nợ gốc, nợ lãi trong tranh chấp HĐTD*

Việc xác định rõ ràng và chính xác số nợ gốc, nợ lãi là cơ sở quan trọng để Tòa án ra bản án đúng đắn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy việc phân định và tính toán các khoản nợ này vẫn còn nhiều bất cập, một phần do thiếu quy định pháp luật cụ thể và thống nhất. Để khắc phục hạn chế đó, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật hiện hành theo hướng sau:

*Thứ nhất,* sửa đổi Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Kiến nghị sửa đổi: “*Bổ sung nội dung yêu cầu bản án dân sự trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng phải thể hiện rõ: Số tiền nợ gốc còn lại; Lãi suất trong hạn theo hợp đồng; Lãi suất quá hạn, hoặc tiền phạt vi phạm nếu có thỏa thuận hợp pháp; Các khoản đã thanh toán (gốc và lãi); Tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án”.* Tăng tính minh bạch trong bản án, đảm bảo thuận lợi cho thi hành án và tránh phát sinh tranh chấp mới.

*Thứ hai,* bổ sung nghĩa vụ cung cấp bảng kê nợ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiến nghị bổ sung khoản mới: “*Nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng có nghĩa vụ nộp kèm đơn khởi kiện các tài liệu chứng minh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn, bao gồm: bảng kê nợ gốc, bảng tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn (nếu có), chứng từ thanh toán, đối chiếu công nợ”.* Bảo đảm nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh, đồng thời cung cấp cơ sở chính xác để Tòa án tính toán nghĩa vụ tài chính của các bên.

*Thứ ba,* bổ sung quy định vào Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự về đánh giá chứng cứ trong vụ án tín dụng Kiến nghị bổ sung: “*Trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án có thể căn cứ vào sao kê tài khoản, bảng lãi vay, bảng đối chiếu công nợ và chứng từ tài chính do tổ chức tín dụng lập để xác định khoản nợ gốc, lãi. Trường hợp phát sinh tranh chấp về số liệu, Tòa án có thể trưng cầu giám định kế toán, tài chính – ngân hàng.”* Hạn chế tranh cãi không cần thiết về tính chính xác của các khoản nợ, đồng thời bảo đảm việc đánh giá chứng cứ dựa trên nguyên tắc chuyên môn khách quan.

*Thứ tư,* đề xuất Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành nghị quyết hướng dẫn Kiến nghị nội dung nghị quyết nên bao gồm: *“Nguyên tắc phân biệt rõ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt và tiền đã thanh toán; Hướng dẫn cách tính lãi suất theo hợp đồng, xử lý khi lãi suất vượt quá giới hạn pháp luật; Mẫu bảng kê nợ thống nhất để tổ chức tín dụng áp dụng trong hồ sơ khởi kiện; Cách xác định lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật dân sự và thi hành án dân sự.”* Hình thành cơ sở áp dụng thống nhất giữa các Tòa án nhân dân địa phương trong giải quyết tranh chấp tín dụng, khắc phục tình trạng án bị sửa, bị hủy do tính sai nghĩa vụ trả nợ.

### *3.2.6. Khắc phục hạn chế về xử lý tài sản bảo đảm trong tranh chấp HĐTD*

Trong các tranh chấp hợp đồng tín dụng, việc xử lý tài sản bảo đảm (TSBĐ) có vai trò quyết định trong việc bảo đảm khả năng thu hồi nợ của tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành, dù đã có khung pháp lý tương đối đầy đủ vẫn còn tồn tại nhiều điểm chưa đồng bộ, thiếu cụ thể và chưa được luật tố tụng hóa trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những hạn chế này đã dẫn đến việc xử lý TSBĐ không hiệu quả, kéo dài thời gian giải quyết vụ án và gây khó khăn cho thi hành án. Từ thực tiễn nêu trên, cần thiết sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả xử lý tài sản bảo đảm trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, với các kiến nghị cụ thể như sau:

*Thứ nhất,* sửa đổi, bổ sung Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản bảo đảm. Kiến nghị bổ sung khoản mới: *“Trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng có liên quan đến tài sản bảo đảm, đương sự có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm (hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm, giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng, tình trạng pháp lý của tài sản), nhằm phục vụ việc xác minh, thẩm định giá, kê biên, xử lý tài sản nếu có yêu cầu.”* Tăng cường nghĩa vụ chứng minh của đương sự, tạo cơ sở để Tòa án xem xét xử lý TSBĐ một cách chính xác và kịp thời.

*Thứ hai,* bổ sung quy định vào Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự về đánh giá chứng cứ trong vụ án có tài sản bảo đảm. Kiến nghị bổ sung khoản mới: *“Đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị hoặc các loại tài sản khác có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, Tòa án phải kiểm tra, đánh giá tình trạng pháp lý, đăng ký giao dịch bảo đảm và có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin để xác minh nguồn gốc, tính hợp pháp và khả năng xử lý của tài sản.”* Đảm bảo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc đưa tài sản vào xử lý trong bản án, đồng thời ngăn ngừa các trường hợp tẩu tán, chuyển nhượng trái phép trong quá trình xét xử.

*Thứ ba,* sửa đổi, bổ sung Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự về nội dung bản án dân sự sơ thẩm. Kiến nghị bổ sung quy định cụ thể đối với bản án có nội dung xử lý tài sản bảo đảm như sau: *“Trường hợp vụ án có liên quan đến tài sản bảo đảm, bản án phải tuyên rõ: Danh mục, đặc điểm, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm; Quyền yêu cầu xử lý tài sản theo thỏa thuận bảo đảm; Thứ tự ưu tiên thanh toán (nếu có nhiều chủ thể bảo đảm); Hình thức xử lý tài sản (bán đấu giá, chuyển nhượng theo thỏa thuận…); Thời điểm có hiệu lực thi hành phần xử lý tài sản.”* Tránh tình trạng bản án tuyên không rõ hoặc tuyên không thể thi hành, ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức tín dụng và nghĩa vụ tài chính của bên bảo đảm.

*Thứ tư,* đề xuất ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm trong giải quyết tranh chấp tín dụng Nội dung đề xuất bao gồm: *“Hướng dẫn việc thu thập, đánh giá chứng cứ liên quan đến tài sản bảo đảm; Nguyên tắc xác định giá trị, thẩm định, định giá tài sản bảo đảm trong quá trình xét xử; Cách thức tuyên án trong trường hợp người thứ ba là bên bảo đảm không tham gia tố tụng; Hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa Tòa án, cơ quan thi hành án và cơ quan quản lý tài sản để đảm bảo thi hành hiệu quả phần tuyên về xử lý tài sản; Nguyên tắc xác định hiệu lực của hợp đồng bảo đảm trong trường hợp tranh chấp hợp đồng tín dụng đã phát sinh nghĩa vụ nhưng tài sản chưa được đăng ký bảo đảm.”* Tạo cơ sở áp dụng thống nhất trong xét xử, khắc phục tình trạng bản án bị kháng nghị vì tuyên không rõ phần tài sản bảo đảm.

*Thứ năm,* kiến nghị sửa đổi Luật Thi hành án dân sự theo hướng ưu tiên xử lý tài sản bảo đảm theo bản án Đề xuất bổ sung quy định: *“Trong thi hành bản án có nội dung xử lý tài sản bảo đảm, tài sản đó phải được tổ chức xử lý ưu tiên theo nội dung bản án đã tuyên. Cơ quan thi hành án có trách nhiệm phối hợp với các bên bảo đảm để thực hiện bán đấu giá hoặc chuyển nhượng tài sản theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.”* Tăng cường hiệu lực cưỡng chế đối với phần tài sản bảo đảm, đảm bảo bản án được thi hành đầy đủ, đúng thời hạn.

## 3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng từ thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### *3.3.1. Đảm bảo nguồn cán bộ có trình độ chuyên môn*

Không nằm ngoài yêu cầu chung của cả hệ thống chính trị, ngành Tòa án nói chung và Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng nói riêng đang tích cực chuẩn bị cho công tác sắp xếp, tin gọn tổ chức bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất. Đội ngũ Thẩm phán, cán bộ Tòa án quận Hai Bà Trưng cần dần được củng cố về số lượng và nâng cao chất lượng. Mỗi Thẩm phán, cán bộ phải luôn có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng đúng đắn, không ngừng phấn đấu, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức lối sống.

Để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tín dụng tại TAND quận Hai Bà Trưng, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm bảo đảm nguồn cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp, cụ thể như sau:

*Thứ nhất,* phân công thẩm phán chuyên trách giải quyết án tín dụng, ngân hàng Tòa án cần phân loại nhóm vụ án theo lĩnh vực chuyên sâu và phân công các thẩm phán có năng lực, kinh nghiệm xét xử vụ án kinh tế - tài chính đảm nhiệm nhóm vụ án tín dụng, ngân hàng. Việc chuyên môn hóa không chỉ nâng cao hiệu quả giải quyết án mà còn giúp tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và nâng cao chất lượng bản án.

*Thứ hai,* tổ chức đào tạo chuyên sâu và cập nhật kiến thức tài chính, ngân hàng cho thẩm phán, thư ký TAND quận Hai Bà Trưng cần phối hợp với các cơ sở đào tạo thẩm phán, các cơ sở nghiên cứu tài chính, ngân hàng để mở các lớp tập huấn chuyên đề: về hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm, xác định nợ gốc, nợ lãi, kỹ năng xét xử án ngân hàng… Đồng thời, tăng cường trao đổi thực tiễn thông qua tọa đàm với các ngân hàng thương mại, chuyên gia ngân hàng, luật sư có kinh nghiệm.

*Thứ ba,* xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn và án lệ nội bộ về giải quyết tranh chấp tín dụng Tòa án nên xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn nội bộ, án lệ tham khảo và các mẫu biểu về cách xác định quan hệ tranh chấp, cách phân tích hợp đồng tín dụng, mẫu bảng tính lãi, quy trình xử lý tài sản bảo đảm… giúp các thẩm phán và thư ký có công cụ thực tiễn khi giải quyết vụ án.

*Thứ tư,* bổ sung biên chế và nâng cao chất lượng tuyển chọn cán bộ. Cần kiến nghị TAND thành phố Hà Nội và TANDTC bổ sung chỉ tiêu biên chế cho TAND quận Hai Bà Trưng, ưu tiên tuyển dụng cán bộ có chuyên ngành kép (luật - tài chính; luật- kế toán; luật- ngân hàng). Đồng thời, cần cải tiến quy trình tuyển chọn thẩm phán, thư ký theo hướng sát với yêu cầu thực tiễn của các loại tranh chấp phức tạp như tín dụng, ngân hàng.

### *3.3.2. Ứng dụng khoa học công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án*

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra thời cơ đối với Tòa án trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để đổi mới bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động; tăng cường công khai, minh bạch; tại điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận công lý; tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng cần chủ động tận dụng các nền tảng công nghệ để cải tiến quy trình tố tụng, nhất là đối với nhóm án tín dụng.

Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong cải thiện hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD, TAND quận Hai Bà Trưng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất,* tích hợp phần mềm chuyên dụng hỗ trợ xử lý vụ án tín dụng. Cần phát triển và triển khai phần mềm nội bộ có chức năng: Tự động phân loại vụ án theo lĩnh vực (tín dụng, dân sự, kinh tế…); Tính toán nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt theo dữ liệu đầu vào từ tổ chức tín dụng; Quản lý tài sản bảo đảm và cập nhật tình trạng pháp lý của tài sản; Theo dõi tiến độ xử lý vụ án và cảnh báo khi có nguy cơ quá hạn.

*Thứ hai,* tăng cường xét xử và giao dịch tố tụng trực tuyến. Áp dụng xét xử trực tuyến hoặc các thủ tục tố tụng điện tử như: Nộp đơn khởi kiện qua mạng; Thông báo, triệu tập, gửi chứng cứ điện tử qua Cổng thông tin điện tử Tòa án; Phiên tòa xét xử trực tuyến với các tổ chức tín dụng lớn có đủ hạ tầng công nghệ. Việc số hóa toàn bộ quy trình sẽ rút ngắn thời gian tố tụng, giảm chi phí xã hội và tăng khả năng tiếp cận Tòa án của đương sự.

*Thứ ba,* đào tạo chuyên sâu kỹ năng khai thác công nghệ thông tin cho cán bộ Tòa án cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề về: Kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ xét xử; Phân tích tài liệu kỹ thuật số (tài khoản ngân hàng, chứng từ thanh toán…); Nhận diện chứng cứ điện tử và đảm bảo giá trị pháp lý của tài liệu số. Việc nâng cao kỹ năng công nghệ cho đội ngũ thẩm phán và thư ký là điều kiện quan trọng để công nghệ thực sự phát huy hiệu quả.

*Thứ tư,* xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết án tín dụng TAND quận Hai Bà Trưng có thể phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cơ quan thi hành án để xây dựng: Cơ sở dữ liệu về hợp đồng tín dụng mẫu, án lệ, biểu mẫu xử lý nợ; Thư viện pháp lý điện tử bao gồm bản án đã xét xử, thống kê, tài liệu tham khảo; Hệ thống theo dõi thi hành án cho các vụ việc tín dụng chưa xử lý xong.

*Thứ năm,* kiến nghị về chính sách hỗ trợ từ TANDTC và chính quyền địa phương. Để các giải pháp nêu trên được triển khai hiệu quả, cần: Kiến nghị TANDTC ban hành hướng dẫn chuyên biệt về ứng dụng CNTT trong nhóm án tín dụng - ngân hàng; Đề xuất chính quyền thành phố Hà Nội và UBND quận Hai Bà Trưng hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng công nghệ, cải thiện hệ thống mạng nội bộ, thiết bị đầu cuối và phần mềm chuyên biệt; Ưu tiên thí điểm chuyển đổi số trong xét xử dân sự tại các Tòa án có khối lượng án kinh tế lớn, trong đó có TAND quận Hai Bà Trưng.

### *3.3.3. Nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho cá nhân, tổ chức*

Ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân và tổ chức là yếu tố quan trọng bảo đảm hiệu lực và hiệu quả thực thi pháp luật nói chung, pháp luật về hợp đồng tín dụng nói riêng. Đối với các tranh chấp hợp đồng tín dụng, khi các bên có ý thức tôn trọng pháp luật, tự giác thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, hoặc tuân thủ nghiêm túc các thủ tục tố tụng tại Tòa án thì quá trình giải quyết tranh chấp sẽ diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí. Do đó, việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng và tố tụng dân sự cho các chủ thể liên quan là giải pháp hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của Tòa án, góp phần phòng ngừa tranh chấp phát sinh và nâng cao chất lượng giải quyết án.

Để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tín dụng tại TAND quận Hai Bà Trưng, cần triển khai các giải pháp nhằm tăng cường giáo dục pháp luật, định hướng hành vi pháp lý đúng đắn cho cá nhân, tổ chức tham gia quan hệ tín dụng:

*Thứ nhất,* đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín dụng - ngân hàng tại địa phương. Phối hợp giữa Tòa án, UBND quận, Hội Luật gia và các tổ chức tín dụng trên địa bàn để tổ chức: Các chuyên đề pháp luật về hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm, nghĩa vụ thanh toán; Hội thảo, tọa đàm pháp lý cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ; Tuyên truyền qua Cổng thông tin quận, mạng xã hội, tờ rơi, áp phích tại nơi công cộng.

*Thứ hai,* xây dựng cơ chế khuyến khích các bên tự nguyện thi hành nghĩa vụ dân sự trước và sau tố tụng: Tòa án có thể phối hợp với cơ quan thi hành án và ngân hàng để thiết lập cơ chế khuyến khích trả nợ trước khi xét xử (áp dụng miễn giảm một phần lãi/phạt); Xây dựng cơ sở dữ liệu người chấp hành tốt nghĩa vụ thi hành án dân sự để ưu đãi tín dụng trong tương lai; Tuyên truyền điển hình cá nhân, doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật trong quan hệ tín dụng.

*Thứ ba,* tăng cường giáo dục pháp luật cho người vay tại thời điểm ký kết hợp đồng: Các ngân hàng cần tổ chức tư vấn pháp lý bắt buộc cho người vay trước khi ký hợp đồng tín dụng lớn hoặc có tài sản bảo đảm; Tài liệu tín dụng phải thể hiện điều khoản pháp lý dễ hiểu, có cam kết đã đọc và hiểu hợp đồng; Đưa nội dung nhận thức pháp luật trở thành một phần của hợp đồng, ghi nhận trách nhiệm pháp lý rõ ràng khi vi phạm.

*Thứ tư,* nâng cao vai trò hòa giải trong giải quyết tranh chấp: Tòa án cần tăng cường hòa giải trong tranh chấp tín dụng, giải thích quyền, nghĩa vụ pháp lý, hệ quả pháp lý khi không hợp tác; Khuyến khích các tổ chức tín dụng tham gia hòa giải tích cực, linh hoạt tái cơ cấu nợ, tránh đẩy vụ việc đến xét xử.

## Tiểu kết chương 3

Thông qua phân tích thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng (HĐTD) tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, có thể nhận thấy rằng, mặc dù hệ thống pháp luật hiện hành đã từng bước hoàn thiện, song vẫn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót nhất định trong việc áp dụng và thực thi. Những bất cập này thể hiện ở cả khía cạnh nội dung pháp luật lẫn phương thức tổ chức thực hiện, dẫn đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD đôi khi chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Từ kết quả nghiên cứu, đề án đã đưa ra hệ thống khuyến nghị nhằm khắc phục các hạn chế trên, bao gồm: hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm tính thống nhất giữa Luật chuyên ngành và các văn bản pháp luật có liên quan; nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của đội ngũ thẩm phán, thư ký; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi và xử lý vụ án. Các giải pháp này không chỉ hướng đến việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp đã phát sinh, mà còn góp phần phòng ngừa, hạn chế phát sinh tranh chấp mới trong hoạt động tín dụng. Việc áp dụng đồng bộ và thường xuyên các giải pháp nêu trên cần được đặt trong bối cảnh bảo đảm thực hiện đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, tăng cường tính công khai, minh bạch và bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ tín dụng. Chỉ khi các giải pháp này được triển khai một cách nhất quán, liên tục và gắn với điều kiện thực tiễn, mới có thể tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD của ngành Tòa án nhân dân nói chung, cũng như Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng nói riêng.

# 

# KẾT LUẬN

Hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng trong những năm gần đây ngày càng phát triển mạnh, bên cạnh yếu tố tích cực kịp thời cung cấp nguồn vốn cho các cá nhân, tổ chức thì cũng đã phát sinh ngày càng nhiều vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng phức tạp. Quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng bên cạnh thuận lợi là đã có một hệ thống quy định pháp luật tương đối hoàn chỉnh còn bộc lộ một số vấn đề hạn chế về nhận thức và áp dụng pháp luật, đòi hỏi những giải pháp tích cực, lâu dài và triệt để, thúc đẩy giải quyết tranh chấp kịp thời, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên, đồng thời đưa hoạt động tín dụng phát triển đúng hướng, lành mạnh, góp phần phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

Qua việc nghiên cứu đề tài “**Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân cấp huyện và thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**”, đề án đã làm rõ được những vấn đề lý luận về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án, đánh giá thực chất pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, để từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng được chính xác, kịp thời.

Về cơ bản đề án đã làm sáng rõ các khái niệm, phân tích các đặc điểm của hợp đồng tín dụng cũng như giải quyết hợp đồng tín dụng tại Tòa án. Đồng thời đã phân tích, đánh giá về thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án, đánh giá thực trạng những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế trong hoạt động xét xử các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và các nguyên nhân dẫn đến tồn tại nêu trên.

Trên cơ sở lý luận, qua nghiên cứu thực tiễn xét xử giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đề án đã chỉ ra những hạn chế, vướng mắc, từ đó đưa ra các quan điểm cũng như giải pháp để khắc phục, hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đề án được thực hiện xuất phát từ công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tuy bản thân có nhiều cố gắng, nỗ lực và được sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn, các Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội nhưng do thời gian nghiên cứu có hạn, vốn kiến thức còn ít ỏi và được giới hạn trong khuôn khổ đề án thạc sĩ nên những vấn đề nêu trong đề án sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình của các thầy cô và các nhà nghiên cứu để đề án được hoàn thiện hơn.

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

**\* Văn bản quy phạm pháp luật**

[1] Bộ luật Dân sự năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.

[2] Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015.

[3] Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3.

[4] Giải pháp nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Quyết định Giám đốc thẩm số 01/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân tối cao (phát triển thành Án lệ số 11/2017/AL).

[6] Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[8] Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2023), Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội, ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2023.

**\* Tài liệu khoa học, thực tiễn và học thuật**

[1] Đỗ Thị Hồng Hạnh (2017), Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng: Thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân TP. Hà Nội, Tạp chí Tài chính. (Truy cập tại: https://tapchitaichinh.vn/giai-quyettranh-chap-hop-dong-tin-dung-ngan-hang-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-annhan-dan-...oi.html)

[2] Hồ Thị Khuyên (2016), Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại TAND thành phố Hà Nội, Đề án Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Lê Thanh Phong (2019), Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và các tranh chấp dân sự khác trong lĩnh vực ngân hàng tại TAND thành phố Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo TAND tối cao – Hiệp hội ngân hàng Việt Nam, Hội An, ngày 04/10/2019.

[4] Lò Đức Toàn (2020), Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án và thực tiễn áp dụng tại Sơn La, Đề án Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

[5] Nguyễn Hồng Hà (2022), Một số vi phạm phổ biến trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam.

(Truy cập tại: <https://lsvn.vn/mot-so-vi-pham-pho-bien-trong-qua-trinhgiai-quyet-vu-an-tranh-chap-hop-dong-tin-dung1650681239.html>)

[6] Phan Trung Hiền, Lê Văn Cư (2022), Xác định chủ thể của hợp đồng tín dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 16 (464), tháng 8/2022.

[7] Trần Ánh Phương (2018), Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng, Đề án Thạc sĩ, Trường Đại học Luật – Đại học Huế.

[8] Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[9] Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TAND tối cao (2023), Một số vấn đề pháp lý đặt ra trong các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân, Tham luận Hội thảo VKSND tối cao – Ngân hàng Nhà nước – Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, ngày 21/4/2023.

**\* Bản án, quyết định của Tòa án**

[1] Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 21/6/2022 của TAND quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

[3] Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. 4. Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của TAND quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

# PHỤ LỤC

1. Trần Tuấn Anh, *Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng qua thực tiễn xét xử của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ,* Luật văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội năm 2016, tr.5. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 TS. Phạm Văn Tuyết & TS. Lê Kim Giang, *Hợp đồng tín dụng và biện pháp bảo đảm tiền vay,* Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, 2012, tr.25. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 2, *Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Phạm Hồng Nhung, *Giai quyết hợp đồng tín dụng ngân hàng qua thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội - 2020, tr.12, tr.13. [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 5, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. [↑](#footnote-ref-5)
6. Điều 6, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-6)
7. Điều 8, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-7)
8. Đều 9, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 10, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 11, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-10)
11. Điểm c khoản 1 Điều 30, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điểm a khoản 1 Điều 40, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-12)
13. Điểm b khoản 1 Điều 40, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-13)
14. Điểm g khoản 1 Điều 40, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-14)
15. Điểm h khoản 1 Điều 40, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-15)
16. Điều 47, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-16)
17. Điều 189, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-17)
18. Điều 191, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-18)
19. Điều 195, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-19)
20. Điều 196, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-20)
21. Điều 205, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-21)
22. Điều 209, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-22)
23. Điều 210, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-23)
24. Điều 211, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-24)
25. Điều 212, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-25)
26. Điều 213, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-26)
27. Điều 203, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-27)
28. Điều 203, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-28)
29. Điều 222, *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,* Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [↑](#footnote-ref-29)
30. Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSNDTC hướng dẫn một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tr.6. [↑](#footnote-ref-30)
31. Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSNDTC hướng dẫn một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tr.5. [↑](#footnote-ref-31)
32. Giải pháp nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của TANDTC. [↑](#footnote-ref-32)
33. Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSNDTC hướng dẫn một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tr.7. [↑](#footnote-ref-33)
34. Quyết định Giám đốc thẩm số 01/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017 của TAND Tối cao (được phát triển thành Án lệ 11/201/AL). [↑](#footnote-ref-34)
35. Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSNDTC hướng dẫn một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tr.11. [↑](#footnote-ref-35)
36. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (ngày 15 tháng 11 năm 2023), ["Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023–2025 của thành phố Hà Nội"](https://web.archive.org/web/20250112071654/https:/bachkhoa.haibatrung.hanoi.gov.vn/documents/1454073/6639928/2.+PA+01+-+to%CC%82%CC%89ng+the%CC%82%CC%89+sa%CC%86%CC%81p+xe%CC%82%CC%81p+%C4%90VHC+Ha%CC%80+No%CC%A3%CC%82i.pdf/e80d7345-9a33-44cd-bb98-c9cb3784cf7a). [↑](#footnote-ref-36)
37. Cổng thông tin điện tử quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. [↑](#footnote-ref-37)
38. Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 21/6/2022 của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. (Nội dung Bản án được thể hiện tại Phụ lục của Đề án) [↑](#footnote-ref-38)
39. Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nội dung bản án được thể hiện tại Phụ lục của Đề án) [↑](#footnote-ref-39)
40. Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. [↑](#footnote-ref-40)
41. Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. (Nội dung bản án được thể hiện Phụ lục của Đề án) [↑](#footnote-ref-41)